Hướng Dẫn Tuân Thủ Dành Cho Thực Thể Nhỏ

Beneficial Ownership Information

Yêu Cầu Báo Cáo

Mạng Lưới/Hệ Thống Chống Các Hành Vi Phạm Pháp Liên Quan Đến Tài Chánh
Bộ Tài Chính Hoa Kỳ
Bản 1.0 Tháng 9 2023

All entities created in the United States — including those previously known as "domestic reporting companies" — and their beneficial owners are now exempt from the requirement to report beneficial ownership information (BOI) to the Financial Crimes Enforcement Network (FinCEN) under the Corporate Transparency Act (CTA).

FinCEN published an interim final rule on March 26, 2025, that revised the definition of "reporting company" in its regulations implementing the CTA to mean only those entities formed under the law of a foreign country that have registered to do business in any U.S. State or tribal jurisdiction by the filing of a document with a secretary of state or similar office (formerly known as "foreign reporting companies"). FinCEN also formally exempted entities previously known as "domestic reporting companies" from the CTA's reporting requirements.

Reporting companies now also do not need to report the BOI of any U.S. persons, and U.S. persons are exempt from having to provide BOI with respect to any reporting company for which they are a beneficial owner.

Foreign entities that meet the new definition of a "reporting company" and do not qualify for an exemption from the reporting requirements are required to file with FinCEN under new deadlines:

- **Reporting companies registered to do business in the United States before March 26, 2025, must file BOI reports by April 25, 2025.**
- **Reporting companies registered to do business in the United States on or after March 26, 2025, have 30 calendar days to file an initial BOI report after receiving notice that their registration is effective.**

The guidance issued below has not yet been fully updated to account for this new interim final rule. Thus, any guidance here indicating that U.S companies, or their beneficial owners, must report BOI to FinCEN; that BOI must be reported for U.S. persons; or that reporting companies must report BOI before April 25, 2025, should be disregarded.

Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm: Hướng Dẫn này được soạn thảo theo các yêu cầu trong Mục 212 của Đạo Luật Công Bằng Trong Thực Thi Quy Định Đối Với Doanh Nghiệp Nhỏ năm 1996. Hướng Dẫn nhằm giúp các thực thể nhỏ tuân thủ quy tắc báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng do Mạng Lưới/Hệ Thống Chống Các Hành Vi Phạm Pháp Liên Quan Đến Tài Chánh (FinCEN) của Bộ Tài Chính Hoa Kỳ ban hành. Hướng Dẫn này chỉ mang tính giải thích và không bổ sung hoặc sửa đổi bất kỳ nghĩa vụ nào được áp đặt theo luật hoặc quy định. Ngoài ra, Hướng Dẫn này không thay thế các tài liệu hướng dẫn gần đây do FinCEN ban hành. FinCEN cũng có thể sửa đổi Hướng Dẫn này để làm rõ hoặc cập nhật nội dung. Để biết thêm thông tin và nhận thông tin mới nhất, hãy tham khảo www.fincen.gov/boi (tiếng Anh). Để được hỗ trợ thêm hoặc gửi phản hồi về Hướng Dẫn này, hãy liên hệ với FinCEN tại www.fincen.gov/contact (tiếng Anh).

Bản gốc của tài liệu này được viết bằng tiếng Anh. FinCEN đã chuẩn bị bản dịch này để thuận tiện cho độc giả; trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc không chắc chắn nào, áp dụng theo nghĩa ở bản tiếng Anh.

Mục Lục

Giới thiệu ..... **iv**

chương 1. Công ty của tôi có phải báo cáo chủ sở hữu thụ hưởng không? **1**

1.1 Công ty của tôi có phải là "công ty báo cáo" không? 2
1.2 Công ty của tôi có được miễn các yêu cầu báo cáo không? 4
1.3 Điều gì xảy ra nếu công ty của tôi không báo cáo BOI trong khung thời gian yêu cầu? 15

chương 2. Ai là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty tôi? **16**

2.1 Kiểm soát đáng kể là gì? 17
2.2 Lợi ích sở hữu là gì? 18
2.3 Tôi có thể thực hiện những bước nào để xác định chủ sở hữu thụ hưởng của công ty tôi? 19
2.4 Ai đủ điều kiện cho ngoại lệ từ định nghĩa chủ sở hữu thụ hưởng? 29

chương 3. Công ty của tôi có phải báo cáo người đăng ký công ty của mình không? ... **32**

3.1 Công ty của tôi có bắt buộc phải báo cáo người đăng ký công ty không? 33
3.2 Ai là người đăng ký công ty của công ty tôi? 34

chương 4. Công ty tôi cần báo cáo những thông tin cụ thể nào? **37**

4.1 Tôi nên thu thập thông tin gì về công ty của mình, chủ sở hữu thụ hưởng và người đăng ký công ty? 38
4.2 Tôi phải báo cáo gì nếu quy tắc báo cáo đặc biệt áp dụng cho công ty của tôi? 39
4.3 Số nhận dạng FinCEN là gì và tôi có thể sử dụng nó như thế nào? 40

chương 5. Khi nào công ty của tôi nên nộp báo cáo BOI ban đầu và bằng cách nào? ... **41**

5.1 Khi nào công ty tôi nên nộp báo cáo BOI ban đầu? 42
5.2 Công ty của tôi nộp báo cáo BOI bằng cách nào? 43

chương 6. Công ty tôi nên làm gì sau khi nộp báo cáo ban đầu? **44**

6.1 Tôi nên làm gì nếu thông tin được báo cáo trước đó thay đổi? 45
6.2 Tôi nên làm gì nếu biết báo cáo có điểm không chính xác? 47
6.3 Công ty của tôi nên làm gì nếu được miễn trừ sau khi đã nộp báo cáo? 47

Phụ Lục A - Trang Tham Chiếu Hướng Dẫn Và Quy Định **48**

Giới thiệu

FinCEN đang xuất bản Hướng Dẫn Tuân Thủ Dành Cho Thực Thể Nhỏ (Hướng Dẫn)[1] này để giúp các thực thể nhỏ tuân thủ các yêu cầu của Quy Tắc Báo Cáo Thông Tin Quyền Sở Hữu Thụ Hưởng (được nhắc đến trong Hướng Dẫn này là Quy Tắc Báo Cáo). Trong đó, các thực thể nhỏ có thể có các yêu cầu mới theo Quy Tắc Báo Cáo. FinCEN cam kết đảm bảo rằng cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và các công ty báo cáo khác có các công cụ họ cần để tuân thủ các yêu cầu mới và quy trình này diễn ra suôn sẻ và hợp lý nhất có thể. FinCEN đang cố gắng giảm gánh nặng cho các doanh nghiệp nhỏ bằng cách cung cấp hướng dẫn toàn diện và truyền đạt thông tin về các yêu cầu báo cáo bằng ngôn ngữ đơn giản.

Quy Tắc Báo Cáo yêu cầu một số thực thể nhất định nộp báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng (BOI) (được nhắc đến trong Hướng Dẫn này là báo cáo BOI hoặc báo cáo) cho FinCEN. Báo cáo chứa thông tin về chính thực thể đó và hai loại cá nhân:

1. **Chủ sở hữu thụ hưởng**
2. **Người đăng ký công ty**

Các thuật ngữ này sẽ được mô tả chi tiết sau trong Hướng Dẫn này, nhưng nói chung, chủ sở hữu thụ hưởng là một cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát ít nhất 25% công ty hoặc có quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty và người đăng ký công ty là cá nhân trực tiếp nộp hoặc chịu trách nhiệm chính về việc nộp tài liệu thành lập hoặc đăng ký công ty.

Quy Tắc Báo Cáo,[2] được ban hành vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, thực hiện Mục 6403 của Đạo Luật Minh Bạch Doanh Nghiệp. Quy tắc nêu rõ ai phải nộp báo cáo BOI, thông tin nào họ phải cung cấp và khi nào họ phải nộp báo cáo.

Quy Tắc Báo Cáo có tại mục 1010.380 trong chuẩn luật 31 của Bộ Luật Quy Định Liên Bang (CFR). Một bản điện tử cũng có sẵn thông qua trang web của FinCEN. Các mục cụ thể của Quy Tắc Báo Cáo được trích dẫn trong suốt Hướng Dẫn này bằng cách sử dụng trích dẫn "1010.380[số đoạn]". Phụ Lục A của Hướng Dẫn này cung cấp một chỉ mục về việc Hướng Dẫn này trích dẫn từ đâu cho các phần khác nhau của quy định. Hướng Dẫn này bao gồm tất cả các quy định của mục 1010.380.

---

1 Hướng Dẫn này đáp ứng các nghĩa vụ của FinCEN theo Mục 212 của Đạo Luật Công Bằng Trong Thực Thi Quy Định Đối Với Doanh Nghiệp Nhỏ năm 1996, được sửa đổi theo Mục 8302 của Đạo Luật Tiền Lương Tối Thiểu Công Bằng năm 2007. Xem Đạo Luật Công Bằng Trong Thực Thi Quy Định Đối Với Doanh Nghiệp Nhỏ năm 1996, Pub. L. No. 104-121, § 212, 110 Stat. 857, 858 (1996), có sẵn tại www.govinfo.gov/content/pkg/PLAW-104publ121/pdf/PLAW-104publ121.pdf (tiếng Anh).
Xem Đạo Luật Lương Tối Thiểu Công Bằng năm 2007, Pub. L. No. 110-28, § 8302, 121 Stat. 112, 204 (2007), có sẵn tại www.govinfo.gov/content/pkg/PLAW-110publ28/pdf/PLAW-110publ28.pdf (tiếng Anh). Hướng Dẫn này tóm tắt và giải thích Quy Tắc Báo Cáo nhưng không thay thế Quy Tắc Báo Cáo. Bản thân nội dung của Quy Tắc Báo Cáo, chứ không phải Hướng Dẫn này, thiết lập các nghĩa vụ pháp lý của cá nhân.

2 Tất cả siêu liên kết được cập nhật tính đến ngày xuất bản Hướng Dẫn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, các báo cáo BOI phải được nộp bằng phương thức điện tử bằng hệ thống nộp đơn an toàn của FinCEN. FinCEN sẽ lưu trữ các báo cáo BOI trong cơ sở dữ liệu tập trung và chỉ chia sẻ thông tin này với người dùng được ủy quyền cho các mục đích do pháp luật quy định. Cơ sở dữ liệu này sẽ sử dụng các phương pháp và kiểm soát bảo mật thông tin nghiêm ngặt thường được sử dụng trong chính phủ Liên Bang để bảo vệ các hệ thống thông tin không được phân loại nhưng nhạy cảm ở mức bảo mật cao nhất.

Khi nào tôi cần nộp báo cáo?

- Các báo cáo sẽ được nhận bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.
- Các công ty báo cáo được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh trước ngày 1 tháng 1 năm 2024, sẽ có thêm thời gian – cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2025 – để nộp các báo cáo BOI ban đầu.
- Các công ty báo cáo được thành lập hoặc đăng ký vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2024, sẽ có 30 ngày sau khi nhận được thông báo về việc thành lập hoặc đăng ký công ty để nộp các báo cáo BOI ban đầu.

Tôi có thể tìm thêm thông tin về báo cáo BOI ở đâu?

- Thông tin thêm về Quy Tắc Báo Cáo và tài liệu hướng dẫn có sẵn tại www.fincen.gov/boi (tiếng Anh).
- FinCEN đã ban hành và sẽ tiếp tục ban hành các câu hỏi thường gặp để giải quyết các câu hỏi cụ thể về chủ đề này. Chúng có thể được tìm thấy ở đây: www.fincen.gov/boi-faqs (tiếng Anh).
- Ngoài ra, nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến nghĩa vụ báo cáo BOI, thì quý vị nên liên lạc với FinCEN tại www.fincen.gov/contact (tiếng Anh).

Hướng Dẫn này bao gồm những gì?

Có sáu câu hỏi chính để giúp quý vị tuân thủ Quy Tắc Báo Cáo. Hướng Dẫn này có một chương cho mỗi câu hỏi chính, được liệt kê dưới đây. Hướng Dẫn này bao gồm sơ đồ tương tác, danh sách kiểm tra và các công cụ hỗ trợ khác để giúp quý vị xác định xem công ty của quý vị có cần nộp báo cáo BOI cho FinCEN hay không và nếu có, xác định cách tuân thủ các yêu cầu báo cáo. Hướng Dẫn này sẽ được cập nhật định kỳ với các thông tin mới hoặc sửa đổi.

01 Công ty của tôi có phải báo cáo chủ sở hữu thụ hưởng không?

Không phải tất cả các công ty đều được yêu cầu báo cáo BOI cho FinCEN theo Quy Tắc Báo Cáo. Các công ty chỉ được yêu cầu báo cáo nếu họ đáp ứng định nghĩa của Quy Tắc Báo Cáo về "công ty báo cáo" và không đủ điều kiện để được miễn trừ. Chương này sẽ giúp quý vị xác định xem công ty của quý vị có đủ điều kiện hay không. Chương này bao gồm định nghĩa về công ty báo cáo, mô tả các thực thể được miễn trừ và giải thích điều gì sẽ xảy ra nếu thông tin yêu cầu không được báo cáo:

1.1 Công ty của tôi có phải là "công ty báo cáo" không?
1.2 Công ty của tôi có được miễn các yêu cầu báo cáo không?
1.3 Điều gì xảy ra nếu công ty của tôi không báo cáo BOI trong khung thời gian yêu cầu?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380 (c), "Công ty báo cáo" và mục 1010.380 (g) "Vi phạm về báo cáo".

1.1 Công ty của tôi có phải là "công ty báo cáo" không?

Quy tắc báo cáo yêu cầu tất cả các "công ty báo cáo" nộp báo cáo BOI cho FinCEN trong khung thời gian được chỉ định trước đó. Công ty báo cáo là bất kỳ thực thể nào đáp ứng định nghĩa "công ty báo cáo" và không đủ điều kiện để được miễn trừ. Có hai loại công ty báo cáo: "công ty báo cáo trong nước" và "công ty báo cáo nước ngoài". Nếu công ty của quý vị không phải là "công ty báo cáo trong nước" cũng không phải là "công ty báo cáo nước ngoài" vì không đáp ứng định nghĩa (như được mô tả bên dưới) hoặc đủ điều kiện để được miễn trừ, thì không bắt buộc phải nộp báo cáo BOI cho FinCEN.

Biểu đồ sau đây cho thấy cách phân tích xem công ty của quý vị có phải là "công ty báo cáo" hay không:

Biểu đồ 1 – Định nghĩa công ty báo cáo

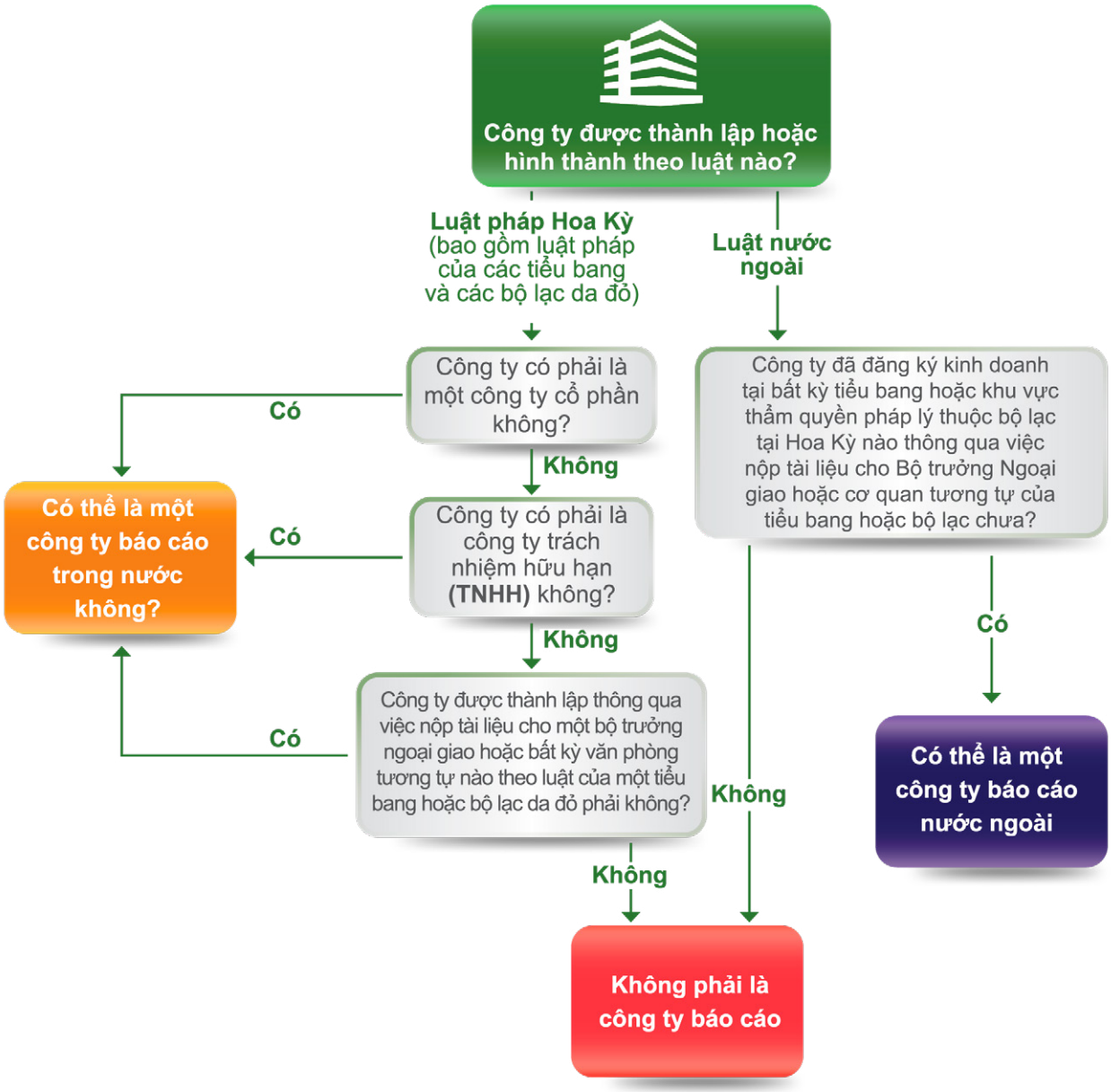

Thông tin dành cho quý vị

Trừ khi có quy định khác, các tiểu bang và bộ lạc da đỏ có nghĩa như sau trong Hướng Dẫn này và Quy Tắc Báo Cáo.

- Các tiểu bang có nghĩa là bất kỳ tiểu bang nào của Hoa Kỳ, Đặc khu Columbia, Khối thịnh vượng chung Puerto Rico, Khối thịnh vượng chung của Quần đảo Bắc Mariana, Samoa thuộc Mỹ, Guam, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ và bất kỳ khối thịnh vượng chung, lãnh thổ hoặc khu vực thuộc sở hữu nào khác của Hoa Kỳ.
- Các bộ lạc da đỏ có nghĩa là bất kỳ bộ lạc, đoàn, quốc gia, làng của người da đỏ, làng hoặc cộng đồng da đỏ hoặc người Alaska bản địa nào mà Bộ trưởng Nội vụ thừa nhận tồn tại như một bộ lạc da đỏ. (Xem mục 102 của Đạo luật Danh sách Bộ lạc Da đỏ được Liên bang công nhận năm 1994 (25 U.S.C. 5130)).

1.2 Công ty của tôi có được miễn các yêu cầu báo cáo không?

Quy Tắc Báo Cáo miễn hai mươi ba (23) loại thực thể cụ thể khỏi các yêu cầu báo cáo được liệt kê trong Biểu đồ 2 bên dưới. Một thực thể đủ điều kiện cho bất kỳ miễn trừ nào trong số này không bắt buộc phải gửi báo cáo BOI cho FinCEN.

Biểu đồ 2 – Miễn trừ cho công ty báo cáo

Miễn Trừ Số	Tên Ngắn Về Miễn Trừ
1	Tổ chức phát hành báo cáo chứng khoán
2	Cơ quan chính phủ
3	Ngân hàng
4	Liên minh tín dụng
5	Công ty cổ phần tổ chức lưu ký
6	Doanh nghiệp dịch vụ tiền tệ
7	Môi giới hoặc đại lý chứng khoán
8	Cơ quan giao dịch hoặc bù trừ chứng khoán
9	Thực thể đã đăng ký theo Đạo Luật Giao Dịch khác
10	Công ty đầu tư hoặc cố vấn đầu tư
11	Cố vấn quỹ đầu tư mạo hiểm
12	Công ty bảo hiểm
13	Đại lý bảo hiểm được nhà nước cấp phép
14	Thực thể đã đăng ký theo Đạo Luật Trao Đổi Hàng Hóa
15	Công ty kế toán
16	Tiện ích công cộng
17	Tiện ích thị trường tài chính
18	Phương tiện đầu tư gộp
19	Thực thể được miễn thuế
20	Thực thể hỗ trợ thực thể được miễn thuế
21	Công ty kinh doanh lớn
22	Công ty con của một số thực thể được miễn trừ
23	Thực thể không hoạt động

Quy tắc đặc biệt đối với các phương tiện đầu tư gộp nước ngoài.

Nếu một thực thể đáp ứng tiêu chí cho Miễn trừ # 18 và được thành lập theo luật pháp của nước ngoài, thì thực thể đó phải tuân theo một yêu cầu báo cáo riêng. Các công ty này được gọi là "phương tiện đầu tư gộp nước ngoài" trong Quy Tắc Báo Cáo và yêu cầu báo cáo của các công ty này được giải thích trong Chương 4.2 của Hướng Dẫn.

Xem quy tắc đặc biệt tại mục 1010.380(b)(2)(iii).

Các tiêu chí cho mỗi trường hợp miễn trừ được cung cấp ở định dạng hộp đánh dấu trong các trang sau để hỗ trợ công ty của quý vị trả lời câu hỏi, "Công ty của tôi có được miễn các yêu cầu báo cáo không?"

Tổ chức phát hành báo cáo chứng khoán (Miễn trừ #1)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là tổ chức phát hành một loại chứng khoán được đăng ký theo mục 12 của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C.78l (tiếng Anh)).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này được yêu cầu nộp thông tin bổ sung và định kỳ theo mục 15 (d) của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (5 U.S.C.78o(d) (tiếng Anh)).	☐ Có ☐Không

Cơ quan chính phủ (Miễn trừ #2)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này được thành lập theo luật pháp của Hoa Kỳ, một bộ lạc da đỏ, một tiểu bang hoặc một phân khu chính trị của tiểu bang, hoặc theo một thỏa thuận liên bang giữa hai hoặc nhiều tiểu bang.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này thực hiện quyền lực chính phủ thay mặt cho Hoa Kỳ hoặc bất kỳ bộ lạc da đỏ, tiểu bang hoặc phân khu chính trị nào như vậy.	☐ Có ☐Không

Ngân hàng (Miễn trừ #3)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong** ba tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "ngân hàng" như được định nghĩa trong mục 3 của Đạo luật Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (12 U.S.C. 1813).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một "ngân hàng" như được định nghĩa trong mục 2(a) của Đạo luật Công ty Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80a-2(a)).	☐ Có ☐Không
3. Thực thể này là một "ngân hàng" như được định nghĩa trong mục 202(a) của Đạo luật Cố vấn Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-2(a)).	☐ Có ☐Không

Liên minh tín dụng (Miễn trừ #4)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "Liên minh tín dụng liên bang" như được định nghĩa trong mục 101 của Đạo luật Liên minh Tín dụng Liên Bang (12 U.S.C. 1752).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một "Liên minh tín dụng nhà nước" như được định nghĩa trong mục 101 của Đạo luật Liên minh Tín dụng Liên Bang (12 U.S.C. 1752).	☐ Có ☐Không

Công ty cổ phần tổ chức lưu ký (Miễn trừ #5)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "công ty cổ phần ngân hàng" như được định nghĩa trong mục 2 của Đạo luật Công ty Cổ phần Ngân hàng năm 1956 (12 U.S.C. 1841).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một "công ty cổ phần tiết kiệm và cho vay" như được định nghĩa trong mục 10(a) của Đạo Luật Cho Vay Dành Cho Chủ Sở Hữu Nhà (12 U.S.C. 1467a(a)).	☐ Có ☐Không

Doanh nghiệp dịch vụ chuyển tiền (Miễn trừ #6)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một doanh nghiệp dịch vụ chuyển tiền đã đăng ký với FinCEN theo 31 U.S.C. 5330.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một doanh nghiệp dịch vụ tiền tệ đã đăng ký với FinCEN theo 31 CFR 1022.380.	☐ Có ☐Không

Môi giới hoặc đại lý chứng khoán (Miễn trừ #7)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "bên môi giới" hoặc "đại lý", như các thuật ngữ được định nghĩa trong mục 3 của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78c).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này được đăng ký theo mục 15 của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78o).	☐ Có ☐Không

Cơ quan giao dịch hoặc bù trừ chứng khoán (Miễn trừ #8)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "cơ quan giao dịch" hoặc "bù trừ", như các thuật ngữ được định nghĩa trong phần 3 của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78c).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này được đăng ký theo mục 6 hoặc 17A của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78f, 78q-1).	☐ Có ☐Không

Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Giao dịch khác (Miễn trừ #9)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này không phải là tổ chức phát hành báo cáo chứng khoán như được định nghĩa trong Miễn trừ #1, bên môi giới hoặc đại lý chứng khoán như được định nghĩa trong Miễn trừ #7, hoặc cơ quan giao dịch hoặc bù trừ chứng khoán như được định nghĩa trong Miễn trừ #8.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch theo Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78a et seq.).	☐ Có ☐Không

Công ty đầu tư hoặc cố vấn đầu tư (Miễn trừ #10)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là "công ty đầu tư" hoặc "cố vấn đầu tư" được định nghĩa là: • Một công ty đầu tư trong mục 3 của Đạo luật Công ty Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80A-3); hoặc • Một cố vấn đầu tư trong mục 202 của Đạo luật Cố vấn Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-2).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch theo một trong các căn cứ sau: • Đạo luật Công ty Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80a-1 *et seq.*); hoặc • Đạo luật Cố vấn Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-1 *et seq.*).	☐ Có ☐Không

Cố vấn quỹ đầu tư mạo hiểm (Miễn trừ #11)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một cố vấn đầu tư được mô tả trong mục 203(l) của Đạo luật Cố vấn Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-3(l)).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này đã nộp Mục 10, Bảng A và Bảng B của Phần 1A, Mẫu ADV, hoặc bất kỳ tài liệu tiếp nối nào cho Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch.	☐ Có ☐Không

Công ty bảo hiểm (Miễn trừ #12)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu các tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "công ty bảo hiểm" như được định nghĩa trong mục 2 của Đạo luật Công ty Đầu tư năm1940 (15 U.S.C. 80a-2).	☐ Có ☐Không

Đại lý bảo hiểm được nhà nước cấp phép (Miễn trừ #13)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một đại lý bảo hiểm được một tiểu bang ủy quyền và chịu sự giám sát của cao ủy bảo hiểm hoặc một cán bộ hoặc cơ quan tương tự của một tiểu bang.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này có *sự hiện diện hoạt động tại một văn phòng thực tế ở Hoa Kỳ.* Thuật ngữ "sự hiện diện hoạt động tại một văn phòng thực tế ở Hoa Kỳ" có nghĩa là một thực thể thường xuyên tiến hành hoạt động kinh doanh của mình tại một địa điểm thực tế ở Hoa Kỳ mà thực thể đó sở hữu hoặc cho thuê và khác biệt về mặt vật lý với địa điểm kinh doanh của bất kỳ thực thể không liên kết nào khác.	☐ Có ☐Không

Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (Miễn trừ #14)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **một trong hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "thực thể đã đăng ký" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một trong những thực thể đã đăng ký với Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Tương lai theo Đạo luật Trao đổi Hàng hóa: • "Thương nhân nhận hoa hồng hợp đồng kỳ hạn" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); • "Nhà môi giới tài chính" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); • "Đại lý hoán đổi" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); • "Người tham gia hoán đổi chính" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); • "Nhà điều hành nhóm hàng hóa" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); • "Cố vấn giao dịch hàng hóa" như được định nghĩa trong mục 1a của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 1a); hoặc • "Đại lý ngoại hối bán lẻ" như được mô tả trong mục 2(c)(2)(B) của Đạo luật Trao đổi Hàng hóa (7 U.S.C. 2(c)(2)(B)).	☐ Có ☐Không

Công ty kế toán công (Miễn trừ #15)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu các tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một công ty kế toán công được đăng ký theo mục 102 của Đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002 (15 U.S.C. 7212).	☐ Có ☐Không

Tiện ích công cộng (Miễn trừ #16)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một "tiện ích công cộng được quản lý" như được định nghĩa trong 26 U.S.C. 7701(a)(33)(A).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này cung cấp các dịch vụ viễn thông, điện, khí đốt tự nhiên hoặc dịch vụ về nước và cống rãnh tại Hoa Kỳ.	☐ Có ☐Không

Tiện ích thị trường tài chính (Miễn trừ #17)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu các tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một tiện ích thị trường tài chính được Hội đồng Giám sát Ổn định Tài chính chỉ định theo mục 804 của Đạo luật Giám sát Thanh toán, Bù trừ và Quyết toán năm 2010 (12 U.S.C. 5463).	☐ Có ☐Không

Phương tiện đầu tư gộp (Miễn trừ #18)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu **cả hai** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một phương tiện đầu tư gộp nếu **một trong hai** tuyên bố này áp dụng cho thực thể: • Là một công ty đầu tư, như được định nghĩa trong mục 3(a) của Đạo luật Công ty Đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80A-3 (a); hoặc • Là một công ty sẽ là công ty đầu tư theo mục này nhưng được loại trừ khỏi định nghĩa đó theo đoạn (1) hoặc (7) của mục 3(c) của Đạo luật đó (15 U.S.C.. 80a-3 (c)); và được cố vấn đầu tư thích hợp xác định bằng tên pháp lý trong Mẫu ADV, (hoặc mẫu tiếp nối) nộp cho Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch hoặc sẽ được xác định như vậy trong bản sửa đổi cập nhật hàng năm tiếp theo đối với Mẫu ADV, mẫu yêu cầu phải được nộp bởi cố vấn đầu tư thích hợp theo quy tắc 204-1 theo Đạo luật Cố vấn Đầu tư năm 1940 (17 CFR 275.204-1).	☐ Có ☐Không
2. Thực thể được điều hành hoặc tư vấn bởi bất kỳ loại thực thể được miễn trừ nào sau đây: • Ngân hàng, như được định nghĩa trong Miễn trừ # 3; • Liên minh tín dụng, như được định nghĩa trong Miễn trừ # 4; • Nhà môi giới hoặc đại lý chứng khoán, như được định nghĩa trong Miễn trừ # 7; • Công ty đầu tư hoặc cố vấn đầu tư, như được định nghĩa trong Miễn trừ #10; hoặc • Cố vấn quỹ đầu tư mạo hiểm, như được định nghĩa trong Miễn trừ # 11.	☐ Có ☐Không

Thực thể được miễn thuế (Miễn trừ #19)

Một thực thể đủ điều kiện được miễn trừ này nếu **bất kỳ** tiêu chí nào trong bốn tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này là một tổ chức được mô tả trong mục 501(c) của Bộ luật Thuế vụ năm 1986 (Bộ luật) (được xác định không liên quan đến mục 508(a) của Bộ luật) và được miễn thuế theo mục 501(a) của Bộ luật.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một tổ chức được mô tả trong mục 501(c) của Bộ luật, và được miễn thuế theo mục 501(a) của Bộ luật, nhưng đã mất tư cách miễn thuế cách đây chưa đầy 180 ngày.	☐ Có ☐Không
3. Thực thể là một tổ chức chính trị, như được định nghĩa trong mục 527(e)(1) của Bộ luật, được miễn thuế theo mục 527(a) của Bộ luật.	☐ Có ☐Không
4. Thực thể này là một quỹ tín thác được mô tả trong đoạn (1) hoặc (2) của mục 4947(a) của Bộ luật.	☐ Có ☐Không

Thực thể hỗ trợ thực thể được miễn thuế (Miễn trừ #20)

Một thực thể đủ điều kiện được miễn trừ này nếu **cả** bốn tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này hoạt động độc quyền để cung cấp hỗ trợ tài chính hoặc nắm giữ quyền quản trị đối với bất kỳ thực thể được miễn thuế nào được mô tả trong Miễn trừ #19.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này là một pháp nhân Hoa Kỳ theo định nghĩa trong mục 7701(a)(30) của Bộ luật Thuế vụ năm 1986.	☐ Có ☐Không
3. Thực thể này được sở hữu thụ hưởng hoặc kiểm soát độc quyền bởi một hoặc nhiều pháp nhân Hoa Kỳ là công dân Hoa Kỳ hoặc được chấp nhận hợp pháp để thường trú. "Được chấp nhận hợp pháp để thường trú" được định nghĩa trong mục 101(a) của Đạo luật Nhập cư và Quốc tịch (8 U.S.C. 1101(a)).	☐ Có ☐Không
4. Thực thể này bắt nguồn từ ít nhất phần lớn nguồn vốn hoặc doanh thu từ một hoặc nhiều pháp nhân Hoa Kỳ là công dân Hoa Kỳ hoặc được chấp nhận hợp pháp để thường trú.	☐ Có ☐Không

Công ty kinh doanh lớn (Miễn trừ #21)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu cả **sáu** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này thuê hơn 20 nhân viên toàn thời gian, khi áp dụng ý nghĩa của nhân viên toàn thời gian được cung cấp trong 26 CFR 54.4980H-1(a) và 54.4980H-3. Nói chung, "nhân viên toàn thời gian" có nghĩa là, đối với một tháng theo lịch, nhân viên đó được tuyển dụng để làm việc trung bình ít nhất 30 giờ mỗi tuần cho chủ lao động.	☐ Có ☐Không
2. Hơn 20 nhân viên toàn thời gian của thực thể này được tuyển dụng tại "Hoa Kỳ", khi thuật ngữ đó được định nghĩa trong 31 CFR 1010.100(hhh).	☐ Có ☐Không
3. Thực thể này có sự hiện diện hoạt động tại một văn phòng thực tế ở Hoa Kỳ. "Sự hiện diện hoạt động tại một văn phòng thực tế ở Hoa Kỳ" có nghĩa là một thực thể thường xuyên tiến hành hoạt động kinh doanh của mình tại một địa điểm thực tế ở Hoa Kỳ mà thực thể đó sở hữu hoặc cho thuê và khác biệt về mặt vật lý với địa điểm kinh doanh của bất kỳ thực thể không liên kết nào khác.	☐ Có ☐Không
4. Thực thể này đã nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang hoặc bản kê khai dữ liệu để khai thuế tại Hoa Kỳ cho năm trước, trong đó chứng minh tổng thu nhập hoặc doanh thu hơn $5.000.000. Nếu thực thể này là một phần của một nhóm các tập đoàn liên kết theo nghĩa ở 26 U.S.C. 1504, tham chiếu tờ khai hợp nhất cho nhóm như vậy.	☐ Có ☐Không
5. Thực thể này đã báo cáo số tiền lớn hơn $5.000.000 dưới dạng tổng thu nhập hoặc doanh thu gộp (lợi nhuận ròng và trợ cấp) trên Mẫu 1120 của IRS của thực thể, Mẫu 1120 hợp nhất của IRS, Mẫu 1120-S của IR, Mẫu 1065 của IRS, hoặc mẫu hiện hành khác của IRS.	☐ Có ☐Không
6. Khi thu nhập hoặc doanh thu gộp từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ, như được xác định theo nguyên tắc thuế thu nhập liên bang, được loại trừ khỏi thu nhập hoặc doanh thu gộp của thực thể này, thì số tiền vẫn lớn hơn $5.000.000.	☐ Có ☐Không

Công ty con của một số thực thể được miễn trừ nhất định (Miễn trừ #22)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu các tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Lợi ích sở hữu của thực thể được kiểm soát hoặc sở hữu toàn bộ, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi **bất kỳ** loại đối tượng được miễn trừ nào sau đây: • Tổ chức phát hành báo cáo chứng khoán, như được định nghĩa trong Miễn trừ #1; • Cơ quan chính phủ, như được định nghĩa trong Miễn trừ #2; • Ngân hàng, như được định nghĩa trong Miễn trừ #3; • Liên minh tín dụng, như được định nghĩa trong Miễn trừ #4; • Công ty cổ phần tổ chức lưu ký, như được định nghĩa trong Miễn trừ #5; • Nhà môi giới hoặc đại lý chứng khoán, như được định nghĩa trong Miễn trừ #7; • Cơ quan giao dịch hoặc bù trừ chứng khoán, như được định nghĩa trong Miễn trừ #8; • Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Giao dịch khác, như được định nghĩa trong Miễn trừ #9; • Công ty đầu tư hoặc cố vấn đầu tư, như được định nghĩa trong Miễn trừ #10; • Cố vấn quỹ đầu tư mạo hiểm, như được định nghĩa trong Miễn trừ #11; • Công ty bảo hiểm, như được định nghĩa trong Miễn trừ #12; • Đại lý bảo hiểm được nhà nước cấp phép, như được định nghĩa trong Miễn trừ #13; • Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Trao đổi Hàng hóa, như được định nghĩa trong Miễn trừ #14; • Công ty kế toán, như được định nghĩa trong Miễn trừ #15; • Tiện ích công cộng, như được định nghĩa trong Miễn trừ #16; • Tiện ích thị trường tài chính, như được định nghĩa trong Miễn trừ #17; • Thực thể được miễn thuế, như được định nghĩa trong Miễn trừ #19; hoặc • Công ty kinh doanh lớn, như được định nghĩa trong Miễn trừ #21.	☐ Có ☐ Không

Thực thể không hoạt động (Miễn trừ #23)

Một thực thể đủ điều kiện cho miễn trừ này nếu cả **sáu** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Thực thể này đã tồn tại vào hoặc trước ngày 1 tháng 1 năm 2020.	☐ Có ☐Không
2. Thực thể này không hoạt động kinh doanh.	☐ Có ☐Không
3. Thực thể không thuộc sở hữu của pháp nhân nước ngoài, dù trực tiếp hay gián tiếp, toàn bộ hay một phần. "Pháp nhân nước ngoài" có nghĩa là một pháp nhân không phải là pháp nhân Hoa Kỳ. Một pháp nhân Hoa Kỳ được định nghĩa trong mục 7701(a)(30) của Bộ luật Thuế vụ năm 1986 với tư cách là công dân hoặc cư dân của Hoa Kỳ, công ty hợp danh và công ty cổ phần trong nước, và các tài sản di sản và quỹ tín thác khác.	☐ Có ☐Không
4. Thực thể này đã không trải qua bất kỳ thay đổi nào về quyền sở hữu trong khoảng thời gian mười hai tháng trước đó.	☐ Có ☐Không
5. Thực thể này đã không gửi hoặc nhận bất kỳ khoản tiền nào với số tiền lớn hơn $1.000, trực tiếp hoặc thông qua bất kỳ tài khoản tài chánh nào mà thực thể hoặc bất kỳ chi nhánh nào của thực thể đó có tiền lãi, trong khoảng thời gian mười hai tháng trước đó.	☐ Có ☐Không
6. Mặt khác, thực thể này không nắm giữ bất kỳ loại tài sản nào, cho dù ở Hoa Kỳ hay ở nước ngoài, bao gồm bất kỳ lợi ích sở hữu nào trong bất kỳ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực thể tương tự nào khác.	☐ Có ☐Không

1.3 Điều gì xảy ra nếu công ty của tôi không báo cáo BOI trong khung thời gian yêu cầu?

FinCEN đang ban hành Hướng Dẫn này và các hướng dẫn khác, cũng như tiến hành tiếp cận, để đảm bảo rằng tất cả các công ty báo cáo đều nhận thức được nghĩa vụ báo cáo của họ, bao gồm nghĩa vụ cập nhật hoặc chỉnh sửa thông tin quyền sở hữu thụ hưởng. Nếu một pháp nhân có lý do để tin rằng một báo cáo nộp cho FinCEN chứa thông tin không chính xác và tự nguyện gửi báo cáo chỉnh sửa thông tin trong vòng 90 ngày kể từ ngày đến hạn của báo cáo gốc, thì Đạo luật Minh bạch Doanh nghiệp tạo ra một cơ sở an toàn để pháp nhân tránh bị phạt. Tuy nhiên, nếu một pháp nhân cố tình không báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng đầy đủ hoặc cập nhật cho FinCEN theo yêu cầu của Quy Tắc Báo Cáo, thì FinCEN sẽ xác định biện pháp phản ứng thực thi thích hợp sau khi xem xét các yếu tố thực thi được công bố.

Việc cố ý không báo cáo đầy đủ hoặc cập nhật thông tin quyền sở hữu thụ hưởng cho FinCEN hoặc cố ý hoặc cố gắng cung cấp thông tin quyền sở hữu thụ hưởng sai lệch hoặc gian lận có thể phải chịu hình phạt dân sự hoặc hình sự, bao gồm hình phạt dân sự lên đến $500 cho mỗi ngày vi phạm hoặc hình phạt hình sự bao gồm phạt tù lên đến hai năm và/hoặc phạt tiền lên đến $10.000. Các cán bộ cấp cao của một thực thể không nộp báo cáo BOI theo yêu cầu có thể phải chịu trách nhiệm về việc đó.

Cung cấp thông tin quyền sở hữu thụ hưởng sai hoặc gian lận có thể bao gồm việc cung cấp thông tin nhận diện sai lệch về một cá nhân được định danh trong báo cáo BOI, chẳng hạn như bằng cách cung cấp bản sao của giấy tờ nhận diện gian lận.

Ngoài ra, một pháp nhân có thể bị phạt dân sự và/hoặc hình sự vì cố ý khiến công ty không nộp báo cáo BOI được yêu cầu hoặc báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng không đầy đủ hoặc sai cho FinCEN.

Ví dụ: một cá nhân đủ điều kiện là chủ sở hữu thụ hưởng hoặc người đăng ký công ty có thể từ chối cung cấp thông tin, biết rằng một công ty sẽ không thể cung cấp thông tin quyền sở hữu thụ hưởng đầy đủ cho FinCEN nếu không có thông tin của cá nhân này. Ngoài ra, một cá nhân có thể cung cấp thông tin sai lệch cho một công ty, biết rằng thông tin đó sẽ được báo cáo cho FinCEN.

02 Ai là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty tôi?

Nếu công ty của quý vị là một công ty báo cáo, thì bước tiếp theo của quý vị là xác định chủ sở hữu thụ hưởng của công ty.
Chủ sở hữu thụ hưởng là **bất kỳ** cá nhân nào, trực tiếp hoặc gián tiếp:

- Thực hiện ***kiểm soát*** đáng kể đối với một công ty báo cáo;
- **HOẶC**
- Sở hữu hoặc kiểm soát ít nhất 25 phần trăm ***lợi ích sở hữu*** của một công ty báo cáo.

Một cá nhân có thể là chủ sở hữu thụ hưởng thông qua quyền kiểm soát đáng kể, lợi ích sở hữu hoặc cả hai. Các công ty báo cáo không bắt buộc phải báo cáo lý do (tức là quyền kiểm soát đáng kể hoặc lợi ích sở hữu) tại sao một cá nhân là chủ sở hữu thụ hưởng.

Một công ty báo cáo có thể có nhiều chủ sở hữu thụ hưởng. Ví dụ: một công ty báo cáo có thể có một chủ sở hữu thụ hưởng thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty báo cáo và một vài chủ sở hữu thụ hưởng khác sở hữu hoặc kiểm soát ít nhất 25% lợi ích sở hữu của công ty báo cáo. Một công ty báo cáo có thể có một chủ sở hữu thụ hưởng vừa thực hiện quyền kiểm soát đáng kể vừa sở hữu hoặc kiểm soát ít nhất 25% lợi ích sở hữu của công ty báo cáo. Không có số lượng tối đa về các chủ sở hữu thụ hưởng phải được báo cáo.

FinCEN hy vọng rằng mọi công ty báo cáo sẽ được kiểm soát đáng kể bởi một hoặc nhiều cá nhân, và do đó mọi công ty báo cáo sẽ có thể xác định và báo cáo ít nhất một chủ sở hữu thụ hưởng cho FinCEN. Bốn mục sau đây sẽ hỗ trợ quý vị xác định chủ sở hữu thụ hưởng của công ty quý vị. Nếu một cá nhân đủ điều kiện là chủ sở hữu thụ hưởng, thì thông tin về cá nhân đó phải được báo cáo cho FinCEN trong báo cáo BOI của công ty báo cáo.

2.1 Kiểm soát đáng kể là gì?
2.2 Lợi ích sở hữu là gì?
2.3 Tôi có thể thực hiện những bước nào để xác định chủ sở hữu thụ hưởng của công ty tôi?
2.4 Ai đủ điều kiện cho ngoại lệ từ định nghĩa chủ sở hữu thụ hưởng?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380 (d), "Chủ sở hữu thụ hưởng".

2.1 Kiểm soát đáng kể là gì?

Các công ty báo cáo được yêu cầu xác định **tất cả** các cá nhân thực hiện ***quyền kiểm soát*** đáng kể đối với công ty. Không có giới hạn về số lượng cá nhân có thể được báo cáo về việc thực hiện kiểm soát đáng kể. Một cá nhân thực hiện ***kiểm soát*** đáng kể đối với một công ty báo cáo nếu cá nhân đó đáp ứng **bất kỳ** tiêu chí nào trong bốn tiêu chí chung: (1) cá nhân là cán bộ cấp cao; (2) cá nhân có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm một số cán bộ hoặc đa số giám đốc của công ty báo cáo; (3) cá nhân là người ra quyết định quan trọng; hoặc (4) cá nhân có bất kỳ hình thức kiểm soát đáng kể nào khác đối với công ty báo cáo. Xem biểu đồ bên dưới để biết chi tiết về các tiêu chí này.

Biểu đồ 3 – Các chỉ số kiểm soát đáng kể

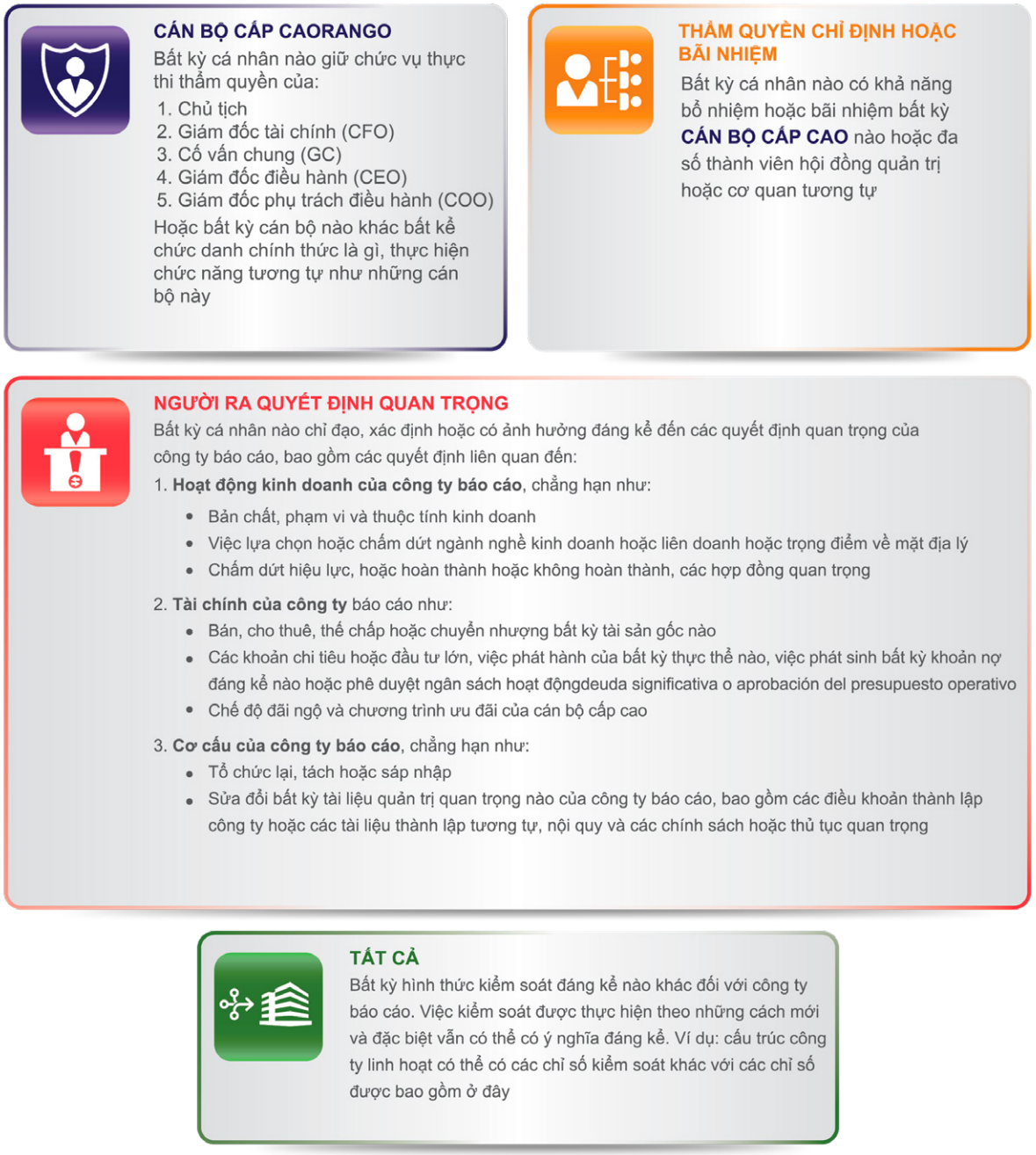

2.2 Lợi ích sở hữu là gì?

Các công ty báo cáo được yêu cầu xác định **tất cả** các cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát ít nhất 25% ***lợi ích sở hữu*** của công ty. Bất kỳ yếu tố sau đây cũng có thể là lợi ích sở hữu: vốn chủ sở hữu, cổ phiếu hoặc quyền biểu quyết; lãi vốn hoặc lợi nhuận; công cụ chuyển đổi;quyền chọn hoặc các đặc quyền không ràng buộc khác để mua hoặc bán bất kỳ điều nào đã nói ở trên; và bất kỳ công cụ nào khác, hợp đồng hoặc cơ chế khác được sử dụng để xác lập quyền sở hữu. Một công ty báo cáo có thể có nhiều loại lợi ích sở hữu. Biểu đồ sau đây xác định các loại lợi ích sở hữu và đưa ra ví dụ.

Biểu đồ 4 – Lợi ích sở hữu

2.3 Tôi có thể thực hiện những bước nào để xác định chủ sở hữu thụ hưởng của công ty tôi?

Công ty của quý vị có thể xác định chủ sở hữu thụ hưởng bằng cách thực hiện các bước sau:

Bước 1: Xác định các cá nhân thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty. Các ví dụ được đưa ra dưới đây để giúp quý vị xác định những cá nhân đó.

Bước 2: Xác định các loại lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị và các cá nhân nắm giữ các lợi ích sở hữu đó. Các ví dụ được đưa ra dưới đây để giúp xác định.

Bước 3: Tính tỷ lệ phần trăm lợi ích sở hữu do cá nhân nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, ít nhất 25% lợi ích sở hữu của công ty.

Dưới đây là chi tiết bổ sung về từng bước:

Bước 1: Cá nhân có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện kiểm soát đáng kể. Cá nhân có thể thực hiện kiểm soát đáng kể thông qua hợp đồng, thỏa thuận, thỏa thuận sơ bộ, mối quan hệ hoặc cách khác.

Lưu ý đối với quỹ tín thác: người được ủy thác của quỹ tín thác hoặc thỏa thuận tương tự có thể thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với một công ty báo cáo.

Ví dụ về các cách trực tiếp để thực hiện kiểm soát đáng kể đối với một công ty báo cáo là:

- Đại diện hội đồng quản trị.
- Quyền sở hữu hoặc kiểm soát đa số quyền hạn biểu quyết
  hoặc quyền biểu quyết.
- Quyền liên quan đến tài chánh hoặc tiền lãi.

Ví dụ về các cách gián tiếp để thực hiện kiểm soát đáng kể đối với một công ty báo cáo là:

- Kiểm soát một hoặc nhiều thực thể trung gian thực hiện quyền kiểm soát đáng kể một cách riêng biệt hoặc chung đối với một công ty báo cáo.
- Thông qua các thỏa thuận hoặc mối quan hệ tài chánh hoặc kinh doanh với các cá nhân hoặc thực thể khác đóng vai trò là người được chỉ định.

Bên cạnh việc ghi nhớ những ví dụ này, thì các câu hỏi sau đây có thể giúp xác định cá nhân nào thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty của quý vị. Nhiều tiêu chí có thể áp dụng cho một cá nhân.

Câu hỏi về kiểm soát đáng kể:	Trả lời	Nếu câu trả lời là "Có":
1. Công ty của quý vị có chủ tịch, giám đốc tài chính, cố vấn chung, giám đốc điều hành hoặc giám đốc phụ trách điều hành không?	☐ Có ☐ Không	Có **cán bộ cấp cao** trong công ty của quý vị.
2. Công ty của quý vị có bất kỳ cán bộ nào khác thực hiện các chức năng tương tự như chủ tịch, giám đốc tài chính, cố vấn chung, giám đốc điều hành hoặc giám đốc phụ trách điều hành không? ***Lưu ý:*** Một cá nhân có thể thực hiện một hoặc nhiều chức năng cho một công ty hoặc một công ty có thể không có bất kỳ cá nhân thực hiện bất kỳ chức năng nào trong số này.	☐ Có ☐ Không	
3. Công ty của quý vị có hội đồng quản trị hoặc cơ quan tương tự VÀ có cá nhân nào có khả năng bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đa số thành viên của hội đồng quản trị hoặc cơ quan đó không?	☐ Có ☐ Không	Có những cá nhân có **thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với công ty của quý vị.**
4. Có bất kỳ cá nhân nào có khả năng bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm một cán bộ cấp cao của công ty quý vị không?	☐ Có ☐ Không	
5. Có bất kỳ cá nhân nào chỉ đạo, quyết định hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định quan trọng của công ty quý vị, bao gồm các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính hoặc cấu trúc của công ty quý vị không? ***Lưu ý:*** Tuy nhiên, một số nhân viên có thể phù hợp với mô tả này được loại khỏi định nghĩa chủ sở hữu thụ hưởng. Xem mục 2.4 để biết thêm thông tin.	☐ Có ☐ Không	Có những **người ra quyết định quan trọng** đối với công ty của quý vị.
6. Có bất kỳ cá nhân nào khác có quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty của quý vị theo những cách khác với những người được xác định trong phần 1-5 ở trên không?	☐ Có ☐ Không	Có những cá nhân mà **tất cả** những điều trên đều đáp ứng.

Hoàn thành Bước 1: Khi quý vị đã xem xét các ví dụ và câu hỏi về thực hiện kiểm soát đáng kể ở trên, thì quý vị sẽ có đủ thông tin để hoàn thành Bước 1 (xác định các cá nhân đáp ứng các tiêu chí kiểm soát đáng kể cho công ty của quý vị). Các cá nhân quý vị đã xác định sẽ được báo cáo là chủ sở hữu thụ hưởng trong báo cáo BOI của công ty quý vị trừ khi họ đủ điều kiện cho một ngoại lệ, như được thảo luận trong mục tiếp

theo của chương này (mục 2.4).

Bước 2: Các cá nhân có thể trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu. Các cá nhân có thể sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu thông qua hợp đồng, thỏa thuận, thỏa thuận sơ bộ, mối quan hệ hoặc cách khác.

Lưu ý đối với quỹ tín thác: Các cá nhân sau đây có thể nắm giữ quyền sở hữu trong một công ty báo cáo thông qua quỹ tín thác hoặc thỏa thuận tương tự:

- Người được ủy thác hoặc cá nhân khác có thẩm quyền xử lý tài sản ủy thác.
- Người thụ hưởng là người nhận duy nhất được phép đối với thu nhập ủy thác và tiền gốc hoặc người có quyền yêu cầu phân phối hoặc rút phần lớn tài sản ủy thác.
- Người nhượng hoặc người ủy thác có quyền thu hồi hoặc rút tài sản ủy thác.

Ví dụ về các cách trực tiếp để sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu trong một công ty báo cáo là:

- Sở hữu chung với một hoặc nhiều pháp nhân khác về tiền lãi chưa chia trong lợi ích sở hữu.

Ví dụ về các cách gián tiếp để sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu trong một công ty báo cáo là:

- Sở hữu hoặc kiểm soát một hoặc nhiều thực thể trung gian, hoặc lợi ích sở hữu của bất kỳ thực thể trung gian nào, sở hữu hoặc kiểm soát riêng biệt hoặc chungđối với lợi ích sở hữu của một công ty báo cáo.
- Thông qua một cá nhân khác hoạt động như một người được chỉ định, trung gian, người giám hộ hoặc đại diện.

Bên cạnh việc ghi nhớ những ví dụ này, thì các câu hỏi sau đây có thể giúp xác định loại ***lợi ích sở hữu*** nào có liên quan đến công ty của quý vị. Một công ty có thể có nhiều hơn một loại lợi ích sở hữu.

Câu hỏi về lợi ích sở hữu:	Trả lời	Nếu câu trả lời là "Có":
1. Công ty của quý vị có phát hành vốn chủ sở hữu, cổ phiếu hoặc bất kỳ công cụ tương tự nào trao quyền biểu quyết không?	☐ Có ☐ Không	Công ty của quý vị có lợi ích sở hữu là ***vốn chủ sở hữu, cổ phiếu hoặc quyền biểu quyết***.
2. Công ty của quý vị có cấp bất kỳ chứng chỉ hoặc đăng ký trước khi tổ chức nào không?	☐ Có ☐ Không	
3. Công ty của quý vị có phát hành bất kỳ cổ phiếu có thể chuyển nhượng hoặc chứng chỉ ủy thác biểu quyết hoặc chứng chỉ tiền gửi đối với: • chứng khoán vốn, • lãi trong một liên doanh, hoặc • phiếu lãi trong một quỹ tín thác kinh doanh?	☐ Có ☐ Không	
4. Các cá nhân có nắm giữ lãi vốn hoặc lợi nhuận trong công ty của quý vị (đôi khi được gọi là "các đơn vị") không?	☐ Có ☐ Không	Công ty của quý vị có lợi ích sở hữu là **lãi vốn hoặc lợi nhuận.**
5. Công ty của quý vị có phát hành bất kỳ công cụ nào có thể chuyển đổi thành bất kỳ cổ phần, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu, quyền biểu quyết hoặc lãi vốn hoặc lợi nhuận nào không? ***Lưu ý:*** Không quan trọng việc có phải trả gì để thực hiện chuyển đổi không.	☐ Có ☐ Không	Công ty của quý vị có lợi ích sở hữu là **các công cụ chuyển đổi**.
6. Công ty của quý vị có phát hành bất kỳ giá trị tương lai nào trên bất kỳ công cụ chuyển đổi nào không?	☐ Có ☐ Không	
7. Công ty của quý vị có phát hành bất kỳ chứng quyền hoặc quyền nào để mua, bán hoặc đăng ký cổ phần hoặc lợi ích trong vốn chủ sở hữu, cổ phiếu hoặc quyền biểu quyết, hoặc lãi vốn hoặc lợi nhuận không? ***Lưu ý:*** Không quan trọng việc chứng quyền hoặc quyền đó có là một khoản nợ không.	☐ Có ☐ Không	
8. Công ty của quý vị có phát hành bất kỳ quyền chọn mua, quyền chọn bán, đồng thời mua (hoặc đồng thời bán) không ràng buộc hoặc quyền chọn hoặc đặc quyền khác đối với việc mua hoặc bán vốn chủ sở hữu, cổ phiếu hoặc quyền biểu quyết, lãi vốn hoặc lợi nhuận hoặc công cụ chuyển đổi không? ***Lưu ý:*** Các quyền chọn hoặc đặc quyền do người khác tạo ra mà công ty quý vị không biết hoặc không tham gia thì không áp dụng.	☐ Có ☐ Không	Công ty của quý vị có lợi ích sở hữu là **các quyền chọn hoặc đặc quyền**.
9. Công ty của quý vị có bất kỳ công cụ, hợp đồng, dàn xếp, thỏa thuận sơ bộ, mối quan hệ hoặc cơ chế nào khác để thiết lập quyền sở hữu không?	☐ Có ☐ Không	Tất **cả** lợi ích sở hữu đều áp dụng cho công ty của quý vị.

Hoàn thành Bước 2: Khi quý vị đã xem xét các ví dụ và câu hỏi về lợi ích sở hữu ở trên, thì quý vị sẽ có đủ thông tin để hoàn thành Bước 2 (xác định các cá nhân nắm giữ lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị). Bước 3 sẽ giúp quý vị xác định cá nhân nào trong số những cá nhân này sở hữu hoặc kiểm soát 25% trở lên lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị. Các cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát 25 phần trăm trở lên lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị sẽ được báo cáo là chủ sở hữu thụ hưởng trong báo cáo BOI của công ty quý vị trừ khi họ đủ điều kiện cho một ngoại lệ, như được thảo luận trong mục tiếp theo của chương này (mục 2.4).

Bước 3: Sau khi xác định loại lợi ích sở hữu nào áp dụng cho công ty của quý vị và ai sở hữu hoặc kiểm soát chúng, thì quý vị phải xác định ai sở hữu hoặc kiểm soát 25% trở lên các lợi ích sở hữu đó.

Nếu công ty của quý vị đã phát hành bất kỳ ***quyền chọn, đặc quyền hoặc công cụ chuyển đổi nào***:

- Giả sử chúng đã được thực hiện hoặc chuyển đổi trong tất cả các tính toán dưới đây.

Nếu công ty của quý vị phát hành ***cổ phiếu***, là công ty cổ phần (bao gồm cả công ty S) hoặc không phải nhưng được coi là một công ty cổ phần cho các mục đích thuế thu nhập liên bang thì:

- Tính lợi ích sở hữu của mỗi cá nhân theo tỷ lệ phần trăm trên tổng số cổ phiếu phát hành. Nếu một số cổ phiếu mà công ty quý vị phát hành có quyền biểu quyết nhiều hơn hoặc đại diện cho nhiều giá trị của công ty hơn các cổ phiếu khác (ví dụ: nếu công ty của quý vị phát hành cả cổ phiếu series A với một phiếu bầu cho mỗi cổ phiếu và cổ phiếu series B với mười phiếu bầu cho mỗi cổ phiếu), thì quý vị sẽ cần thực hiện hai phép tính sau. Lợi ích sở hữu của cá nhân sẽ là giá trị lớn hơn trong hai tỷ lệ phần trăm:

Tổng quyền biểu quyết kết hợp của tất cả các loại lợi ích sở hữu của cá nhân ÷ Tổng quyền biểu quyết lưu hành của tất cả các loại lợi ích sở hữu có quyền biểu quyết = **%** quyền biểu quyết của cá nhân	Tổng giá trị kết hợp của lợi ích sở hữu của cá nhân ÷ Tổng giá trị lưu hành của tất cả các loại lợi ích sở hữu = **%** giá trị lợi ích sở hữu của cá nhân

Nếu công ty của quý vị, bao gồm cả việc công ty của quý vị có được coi là công ty hợp danh vì mục đích thuế thu nhập liên bang hay không, phát hành lãi vốn hoặc lợi nhuận:

- Áp dụng công thức tính sau:

Lãi vốn và lợi nhuận của cá nhân ÷ Tổng lãi vốn và lợi nhuận lưu hành = **%** lãi vốn và lợi nhuận của cá nhân

Nếu không có công thức tính nào trong số này áp dụng cho công ty của quý vị:

- Xác định bất kỳ cá nhân nào sở hữu hoặc kiểm soát 25 phần trăm trở lên của bất kỳ loại lợi ích sở hữu nào của công ty.

Hoàn thành Bước 3: Sau khi quý vị đã áp dụng các kịch bản này cho lợi ích sở hữu của công ty quý vị, quý vị sẽ có đủ thông tin để xác định các cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát 25 phần trăm trở lên lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị. Quý vị phải báo cáo các cá nhân sở hữu hoặc kiểm soát 25 phần trăm trở lên lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị là chủ sở hữu thụ hưởng trong báo cáo BOI của công ty quý vị trừ khi họ đủ điều kiện cho một ngoại lệ, như được thảo luận trong mục tiếp theo của chương này (muc 2.4).

Ví dụ về cách xác định chủ sở hữu thụ hưởng:

Các ví dụ sau đây chỉ ra cách xác định chủ sở hữu thụ hưởng đối với nhiều loại cấu trúc công ty. Những ví dụ này giả định rằng không có ngoại lệ nào áp dụng cho các chủ sở hữu thụ hưởng, như được thảo luận trong mục tiếp theo của chương này (muc 2.4). Trong đồ họa thông tin cho các ví dụ này, chủ sở hữu thụ hưởng được ghi chú bằng hình tròn và chủ sở hữu không thụ hưởng được ghi chú bằng hình tam giác.

Ví dụ 1: Công ty báo cáo là một công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH). Cá nhân A là chủ sở hữu duy nhất và là chủ tịch của công ty và đưa ra các quyết định quan trọng cho công ty. Không còn ai khác sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu trong công ty hoặc thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty.

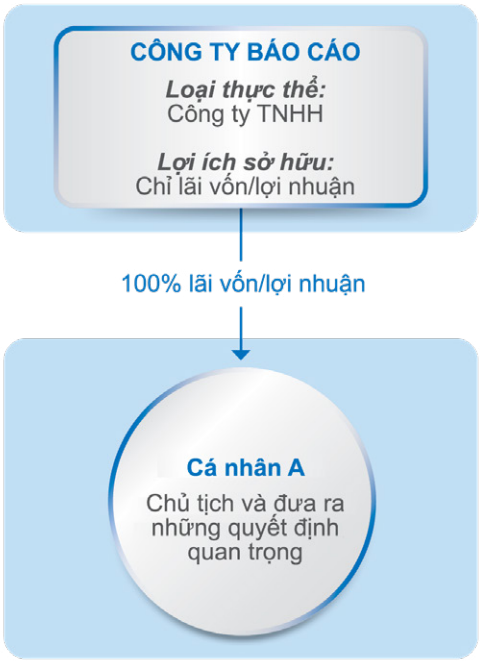

Cá nhân A là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo theo hai cách khác nhau, giả sử không có dữ kiện nào khác. Đầu tiên, Cá nhân A thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty vì Cá nhân A là cán bộ cấp cao của công ty (chủ tịch). Thứ hai, Cá nhân A cũng là chủ sở hữu thụ hưởng vì Cá nhân A sở hữu 25% trở lên lợi ích sở hữu của công ty báo cáo.

Bởi vì không có ai khác sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu trong công ty TNHH này hoặc thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty và giả sử không có dữ kiện liên quan nào khác, nên Cá nhân A là chủ sở hữu thụ hưởng duy nhất của công ty báo cáo này và thông tin của Cá nhân A phải được báo cáo cho FinCEN.

Ví dụ 2: Công ty báo cáo là một công ty cổ phần. Tổng lợi ích sở hữu đang lưu hành của công ty là cổ phiếu. Ba người (Cá Nhân A, B và C) sở hữu lần lượt 50%, 40% và 10% cổ phiếu, và một người khác (Cá nhân D) đóng vai trò là chủ tịch cho công ty, nhưng không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào.

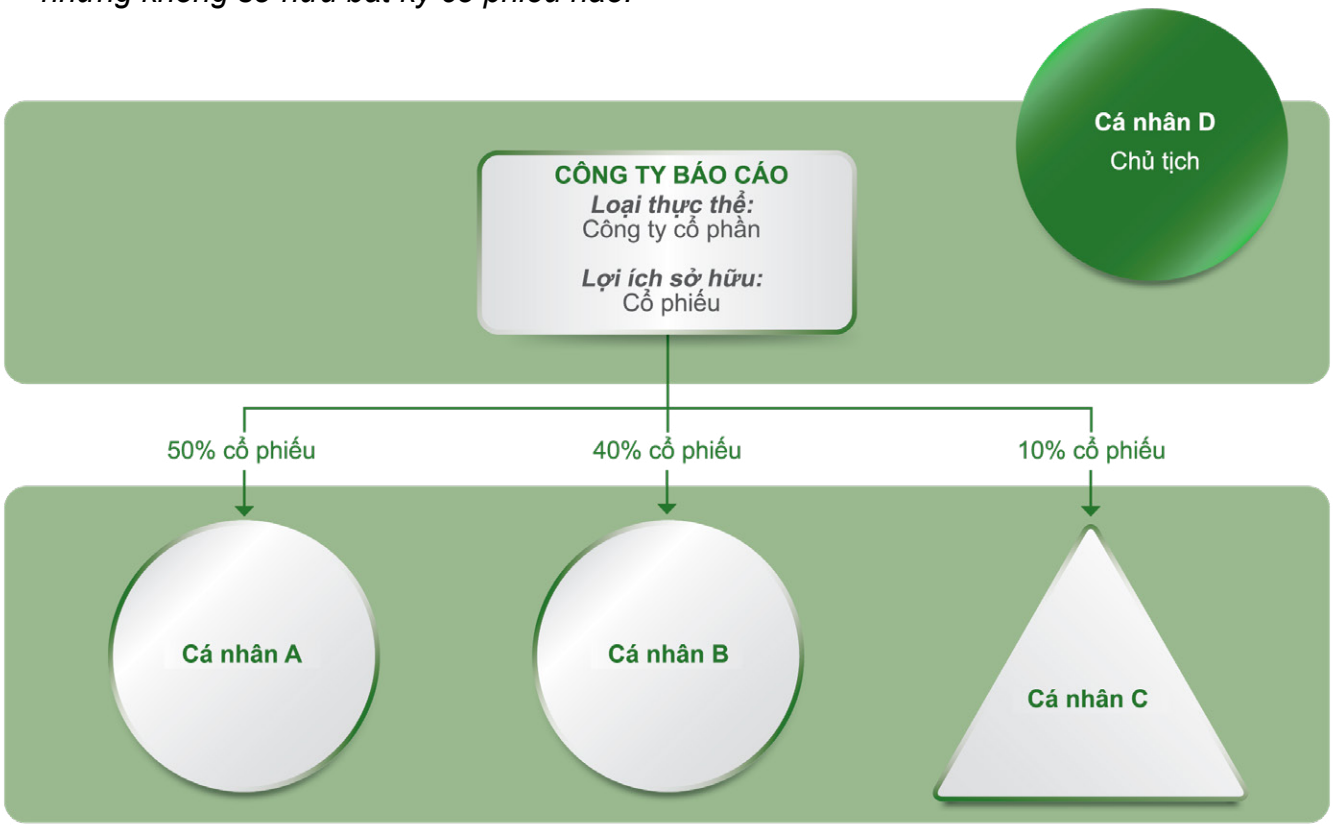

Giả sử không có dữ kiện liên quan nào khác, thì Cá Nhân A, B và D đều là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty và thông tin của họ phải được báo cáo. Cá nhân C không phải là chủ sở hữu thụ hưởng.

Cá nhân A sở hữu 50% cổ phiếu của công ty và do đó là chủ sở hữu thụ hưởng vì 50% lớn hơn ngưỡng 25% trở lên lợi ích sở hữu của công ty.

Cá nhân B sở hữu 40% cổ phiếu của công ty và do đó là chủ sở hữu thụ hưởng vì 40% cũng lớn hơn ngưỡng 25% trở lên lợi ích sở hữu của công ty.

Cá nhân C không phải là cán bộ cấp cao của công ty và không trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bất kỳ quyền kiểm soát đáng kể nào đối với công ty.

Cá nhân C cũng sở hữu 10% cổ phiếu của công ty, thấp hơn mức 25% trở lên cần thiết để đủ điều kiện trở thành chủ sở hữu thụ hưởng nhờ lợi ích sở hữu. Do đó, Cá nhân C không phải là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty.

Cá nhân D là chủ tịch của công ty. Là một cán bộ cấp cao của công ty, Cá nhân D thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty và do đó là chủ sở hữu thụ hưởng, bất kể Cá nhân D có sở hữu hoặc kiểm soát 25% trở lên lợi ích sở hữu của công ty hay không.

Ví dụ 3: Công ty báo cáo là một công ty TNHH với hai quản lý, Cá nhân A và C. Cá nhân A cũng sở hữu 50% "đơn vị thành viên" trong công ty TNHH trong khi Cá nhân C thì không. Cá nhân B sở hữu các đơn vị thành viên còn lại trong công ty TNHH nhưng không phải là người quản lý.

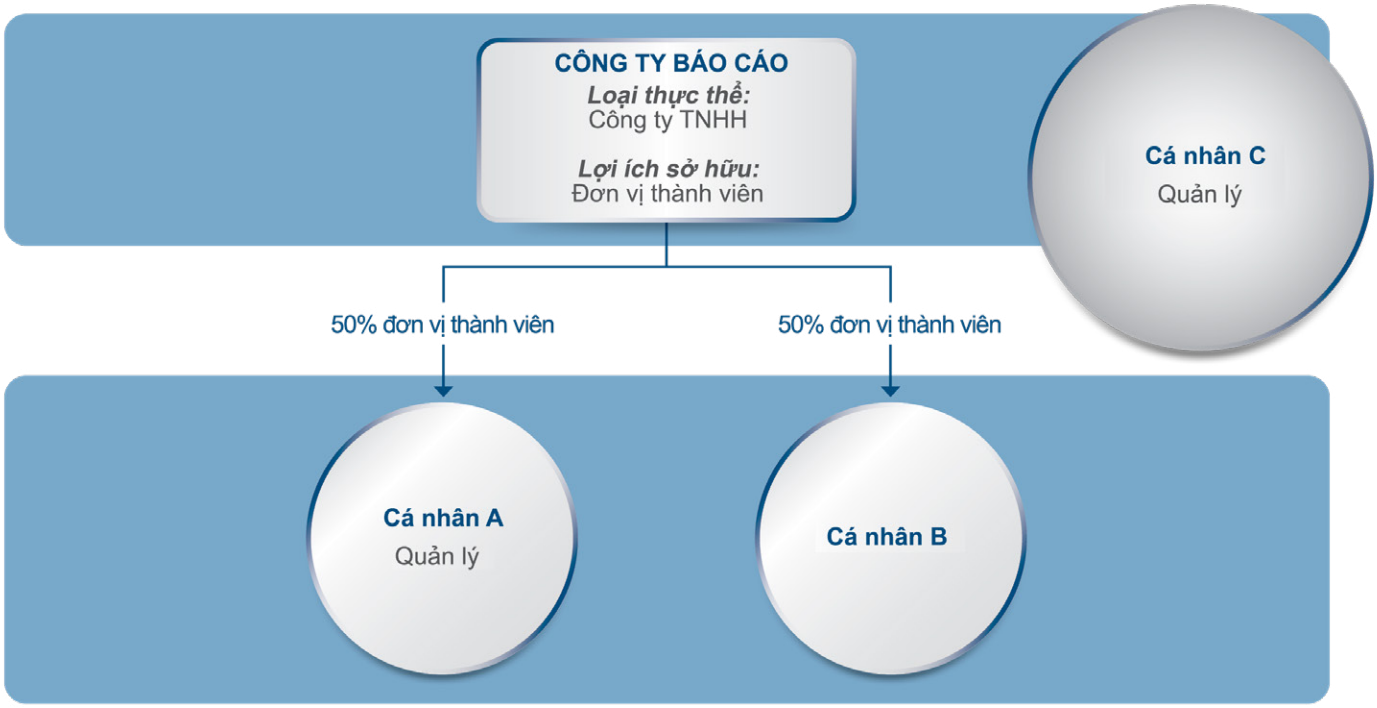

Chủ sở hữu của các đơn vị thành viên (là một loại lợi ích sở hữu về "lãi vốn hoặc lợi nhuận") trong một công ty TNHH đôi khi được gọi là "thành viên" của công ty TNHH. Một thành viên có thể không tự động được yêu cầu hoặc được ủy quyền để đưa ra quyết định cho công ty TNHH; Tuy nhiên, tùy thuộc vào tổ chức nội bộ của công ty TNHH, một thành viên cũng có thể là "người quản lý". Trong ví dụ này, Cá nhân A là thành viên và người quản lý. Cá nhân B là thành viên nhưng không phải là người quản lý, trong khi Cá nhân C là người quản lý nhưng không phải là thành viên. Cả ba cá nhân này đều là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo.

Cá nhân A là người quản lý của công ty TNHH và sở hữu 50% đơn vị thành viên của công ty này. Cá nhân A thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty TNHH vì Cá nhân A đưa ra các quyết định quan trọng cho công ty TNHH này trong vai trò người quản lý. Cá nhân A cũng sở hữu 50% (lớn hơn ngưỡng 25% trở lên) lợi ích sở hữu của công ty. Do đó, cá nhân A là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo theo hai cách khác nhau, thông qua thực hiện quyền kiểm soát đáng kể và sở hữu hoặc kiểm soát 25% trở lên lợi ích sở hữu.

Cá nhân B sở hữu 50 phần trăm (lớn hơn ngưỡng 25 phần trăm trở lên) các đơn vị thành viên của công ty TNHH. Điều đó làm cho Cá nhân B trở thành chủ sở hữu thụ hưởng của công ty TNHH mặc dù Cá nhân B không phải là người quản lý và không đưa ra các quyết định quan trọng hoặc thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty TNHH.

Cá nhân C là người quản lý của công ty TNHH và thay mặt công ty đưa ra các quyết định quan trọng, do đó thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty. Cá nhân C không sở hữu bất kỳ đơn vị thành viên nào của công ty TNHH (lợi ích sở hữu) nhưng vẫn là chủ sở hữu thụ hưởng vì cá nhân này thực hiện quyền kiểm soát đáng kể.

Ví dụ 4: Công ty báo cáo là một công ty cổ phần có nhiều chủ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Y và Công ty Z.

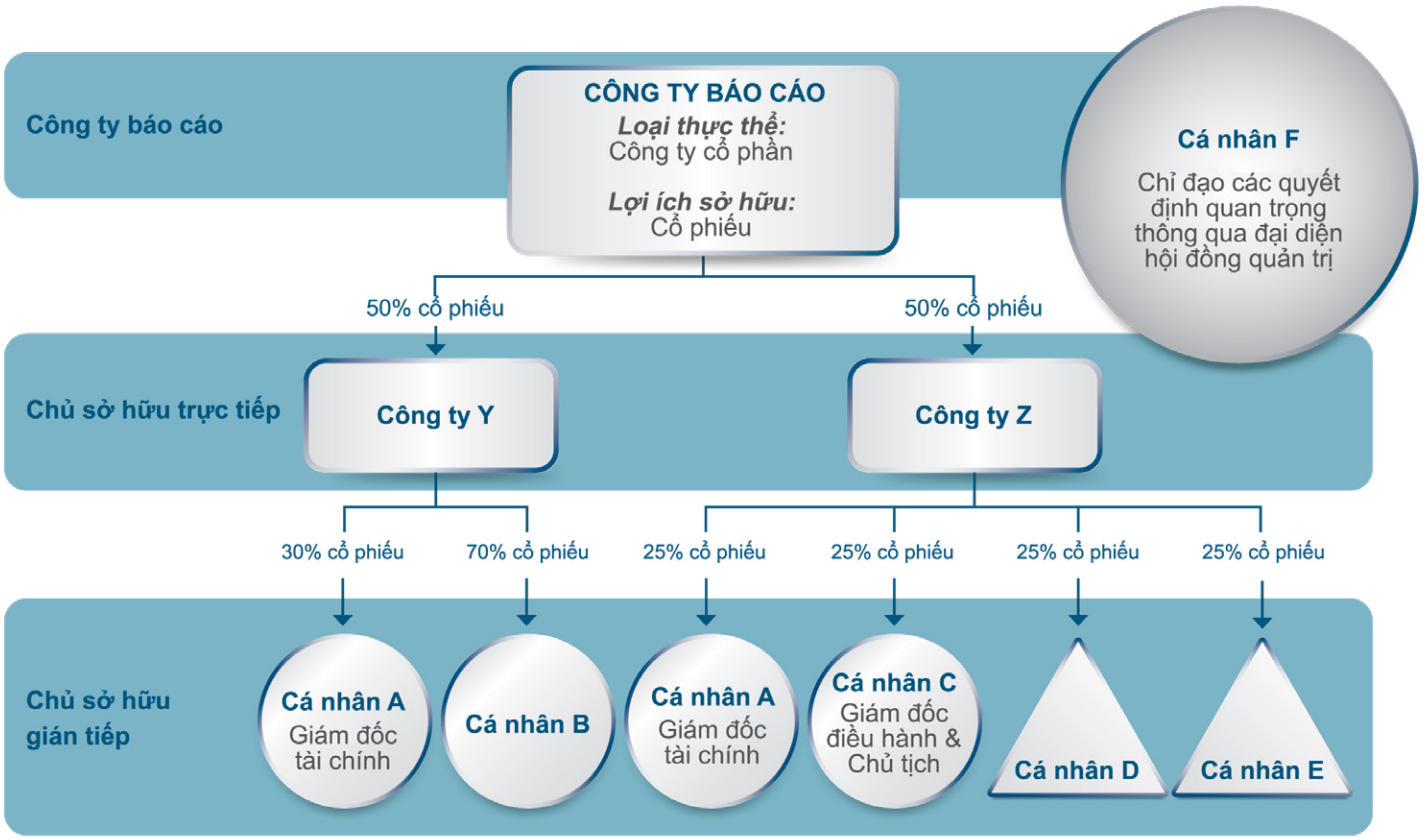

Trong ví dụ này, Cá Nhân A, B, C và F là những chủ sở hữu thụ hưởng.

Cá nhân A là Giám đốc tài chính của công ty báo cáo và do đó là một cán bộ cấp cao, theo Quy tắc báo cáo có nghĩa là Cá nhân A thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty này. Cá nhân A cũng gián tiếp sở hữu 27,5% cổ phiếu của công ty báo cáo thông qua quyền sở hữu trực tiếp tại Công ty Y và Công ty Z, mỗi công ty sở hữu 50% cổ phiếu của công ty báo cáo. (Cá nhân A sở hữu 30% cổ phiếu của Công ty Y và 25% cổ phiếu của Công ty Z. Do đó, Cá nhân A sở hữu 15% cổ phiếu của công ty báo cáo thông qua Công ty Y (50% × 30% = 15%) và 12,5% cổ phiếu của công ty báo cáo thông qua Công ty Z (50% × 25% = 12,5%). Cộng hai tỷ lệ phần trăm này lại với nhau tương đương với 27,5% cổ phiếu của công ty báo cáo.) Do đó, Cá nhân A là chủ sở hữu thụ hưởng theo hai cách khác nhau, thông qua thực hiện quyền kiểm soát đáng kể và sở hữu hoặc kiểm soát 25 trở lên lợi ích sở hữu của công ty báo cáo.

Cá nhân B gián tiếp sở hữu 35% cổ phiếu của công ty báo cáo thông qua Công ty Y, công ty sở hữu 50% cổ phiếu của công ty báo cáo. (Cá nhân B sở hữu 70% cổ phiếu của Công ty Y (50% × 70% = 35%)). Cá nhân B không thực hiện kiểm soát đáng kể. Cá nhân B là chủ sở hữu thụ hưởng thông qua việc sở hữu hoặc kiểm soát 25 phần trăm trở lên lợi ích sở hữu của công ty báo cáo.

Cá nhân C là Giám đốc điều hành và chủ tịch của công ty báo cáo và do đó là một cán bộ cấp cao thực hiện quyền kiểm soát đáng kể. Cá nhân C gián tiếp sở hữu 12,5% cổ phiếu của công ty báo cáo. Để tính lợi ích sở hữu gián tiếp của Cá nhân C trong công ty báo cáo, thì nhân lợi ích sở hữu của Cá nhân C trong Công ty Z với lợi ích sở hữu của Công ty Z trong công ty báo cáo. Cá nhân C sở hữu 25% cổ phiếu của Công ty Z và Công ty Z sở hữu 50% cổ phiếu của công ty báo cáo. Do đó, lợi ích sở hữu C của cá nhân trong công ty báo cáo là 12,5% (25% × 50% = 12,5%), thấp hơn ngưỡng lợi ích sở hữu 25%. Theo đó, lợi ích sở hữu của Cá nhân C trong công ty báo cáo không làm cho Cá nhân C trở thành chủ sở hữu thụ hưởng, nhưng Cá nhân C vẫn là chủ sở hữu thụ hưởng vì Cá nhân C thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty báo cáo.

Tương tự như Cá nhân C, Cá Nhân D và E sở hữu 25% cổ phiếu của Công ty Z và do đó mỗi người gián tiếp sở hữu 12,5% cổ phiếu của công ty báo cáo. Trái ngược với Cá nhân C, Cá Nhân D và E không thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty báo cáo. Cá Nhân D và E không phải là chủ sở hữu thụ hưởng.

Cá nhân F nằm trong ban giám đốc của công ty và thay mặt công ty báo cáo đưa ra các quyết định quan trọng, do đó thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty. Cá nhân F không sở hữu hoặc kiểm soát bất kỳ cổ phiếu nào trong công ty báo cáo. Do đó, Cá nhân F là chủ sở hữu thụ hưởng thông qua việc thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty báo cáo, chứ không phải thông qua việc nắm giữ lợi ích sở hữu trong công ty.

2.4 Ai đủ điều kiện cho một ngoại lệ từ định nghĩa chủ sở hữu thụ hưởng?

Có năm ngoại lệ đối với định nghĩa về chủ sở hữu thụ hưởng. Khi một cá nhân là chủ sở hữu thụ hưởng của một công ty báo cáo đủ điều kiện cho một ngoại lệ, thì công ty báo cáo không phải báo cáo cá nhân đó với tư cách chủ sở hữu thụ hưởng trong báo cáo BOI của mình cho FinCEN. Các ô đánh dấu sau đây nhằm giúp công ty của quý vị xác định xem có bất kỳ ngoại lệ nào áp dụng cho những cá nhân có thể đủ điều kiện là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty quý vị hay không.

Trẻ vị thành niên (Ngoại lệ #1)

Một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ này nếu đáp ứng tiêu chí sau:

1. Cá nhân là trẻ vị thành niên, như được định nghĩa trong luật tiểu bang hoặc bộ lạc da đỏ nơi công ty báo cáo trong nước được thành lập hoặc công ty báo cáo nước ngoài được đăng ký lần đầu.	☐ Có ☐ Không

Quy tắc đặc biệt cho trẻ vị thành niên: Nếu câu trả lời ở trên là có, thì công ty báo cáo thay vào đó có thể báo cáo thông tin về cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ vị thành niên.

Lưu ý: Ngoại lệ này chỉ áp dụng nếu thông tin của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp được báo cáo thay cho thông tin của trẻ vị thành niên. Ngoài ra, khi trẻ vị thành niên đến tuổi trưởng thành, như được định nghĩa trong luật tiểu bang hoặc bộ lạc da đỏ nơi công ty báo cáo được thành lập hoặc đăng ký lần đầu, thì ngoại lệ không còn được áp dụng nữa. Khi đó, nếu cá nhân là chủ sở hữu thụ hưởng, thì công ty báo cáo phải nộp báo cáo BOI cập nhật trong đó cung cấp thông tin của cá nhân này. Xem Chương 6 để biết thêm thông tin về thời điểm có thể cần nộp báo cáo cập nhật.

Người được chỉ định, trung gian, người giám hộ hoặc đại diện (Ngoại lệ #2)

Một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ này nếu đáp ứng tiêu chí sau:

2. Cá nhân chỉ hành động thay mặt cho chủ sở hữu thụ hưởng thực tế với tư cách là người được chỉ định, trung gian, người giám hộ HOẶC đại diện của chủ sở hữu thụ hưởng. ***Lưu ý:*** Cá nhân thực hiện tư vấn thông thường hoặc các dịch vụ hợp đồng khác (chẳng hạn như chuyên gia thuế) có thể đủ điều kiện cho ngoại lệ này. Trong trường hợp áp dụng ngoại lệ này, vẫn phải báo cáo chủ sở hữu thụ hưởng thực tế.	☐ Có ☐ Không

Nhân viên (Ngoại lệ #3)

Một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ này nếu **cả ba** tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Cá nhân là nhân viên của công ty báo cáo, khi áp dụng nghĩa của "nhân viên" được cung cấp trong 26 CFR 54.4980H-1(a)(15). Nói chung, thuật ngữ nhân viên có nghĩa là một cá nhân phải tuân theo ý chí và sự kiểm soát của chủ lao động trong việc làm gì và làm như thế nào, và chủ lao động có thể sa thải cá nhân đó.	☐ Có ☐ Không
2. Sự kiểm soát đáng kể của cá nhân đối với hoặc lợi ích kinh tế từ công ty báo cáo chỉ bắt nguồn từ tình trạng việc làm của cá nhân đó với tư cách là nhân viên.	☐ Có ☐ Không
3. Cá nhân không phải là cán bộ cấp cao của công ty báo cáo. Thuật ngữ "cán bộ cấp cao" có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào giữ vị trí hoặc thực hiện quyền hạn của chủ tịch, giám đốc tài chính, cố vấn chung, giám đốc điều hành hoặc giám đốc phụ trách điều hành, hoặc bất kỳ cán bộ nào khác, bất kể chức danh chính thức là gì, thực hiện chức năng tương tự.	☐ Có ☐ Không

Người thừa kế (Ngoại lệ #4)

Một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ này nếu tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Quyền lợi duy nhất của cá nhân trong công ty báo cáo là quyền lợi trong **tương lai** thông qua quyền thừa kế, chẳng hạn như thông qua di chúc trao cho quyền lợi trong tương lai trong một công ty.	☐ Có ☐ Không

Lưu ý: Khi cá nhân thừa kế quyền lợi, thì ngoại lệ này không còn được áp dụng nữa và cá nhân đó có thể đủ điều kiện là chủ sở hữu thụ hưởng. Xem Chương 6 để biết thêm thông tin về thời điểm có thể cần nộp báo cáo cập nhật trong trường hợp này.

Chủ nợ (Ngoại lệ #5)

Một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ này nếu tiêu chí sau được đáp ứng:

1. Cá nhân là chủ nợ của công ty báo cáo. Thuật ngữ "chủ nợ" có nghĩa là một cá nhân đáp ứng định nghĩa về chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo chỉ thông qua các quyền hoặc lợi ích đối với việc thanh toán một khoản tiền được xác định trước, chẳng hạn như khoản nợ phát sinh bởi công ty báo cáo, hoặc giao ước cho vay hoặc quyền tương tự khác liên quan đến quyền nhận thanh toán nhằm đảm bảo quyền nhận thanh toán hoặc tăng khả năng trả nợ. Ví dụ: một cá nhân đủ điều kiện cho ngoại lệ chủ nợ nếu cá nhân đó có quyền nhận được thanh toán từ công ty báo cáo để trả khoản vay hoặc nợ, miễn là quyền này là lợi ích sở hữu duy nhất mà cá nhân có trong công ty báo cáo.	☐ Có ☐ Không

Chỉ một số công ty báo cáo nhất định phải bao gồm thông tin về người đăng ký công ty của họ trong báo cáo BOI. Chương này có hai phần để giúp công ty của quý vị xác định xem các yêu cầu này có áp dụng hay không và nếu có, đưa ra cách xác định người đăng ký công ty:

3.1 Công ty của tôi có bắt buộc phải báo cáo người đăng ký công ty không?
3.2 Ai là người đăng ký công ty của công ty tôi?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380(e), "Người đăng ký công ty".

3.1 Công ty của tôi có bắt buộc phải báo cáo người đăng ký công ty không?

Không phải tất cả các công ty báo cáo đều được yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty của họ cho FinCEN.

Một công ty báo cáo được yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty nếu đó là:

- công ty báo cáo trong nước được thành lập **vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2024**; hoặc
- công ty báo cáo nước ngoài lần đầu tiên đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ **vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2024**.

Một công ty báo cáo không bắt buộc phải báo cáo người đăng ký công ty của mình nếu đó là:

- công ty báo cáo trong nước được thành lập **trước** ngày 1 tháng 1 năm 2024; hoặc
- công ty báo cáo nước ngoài lần đầu tiên đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ **trước** ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Biểu đồ 5 – Yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty

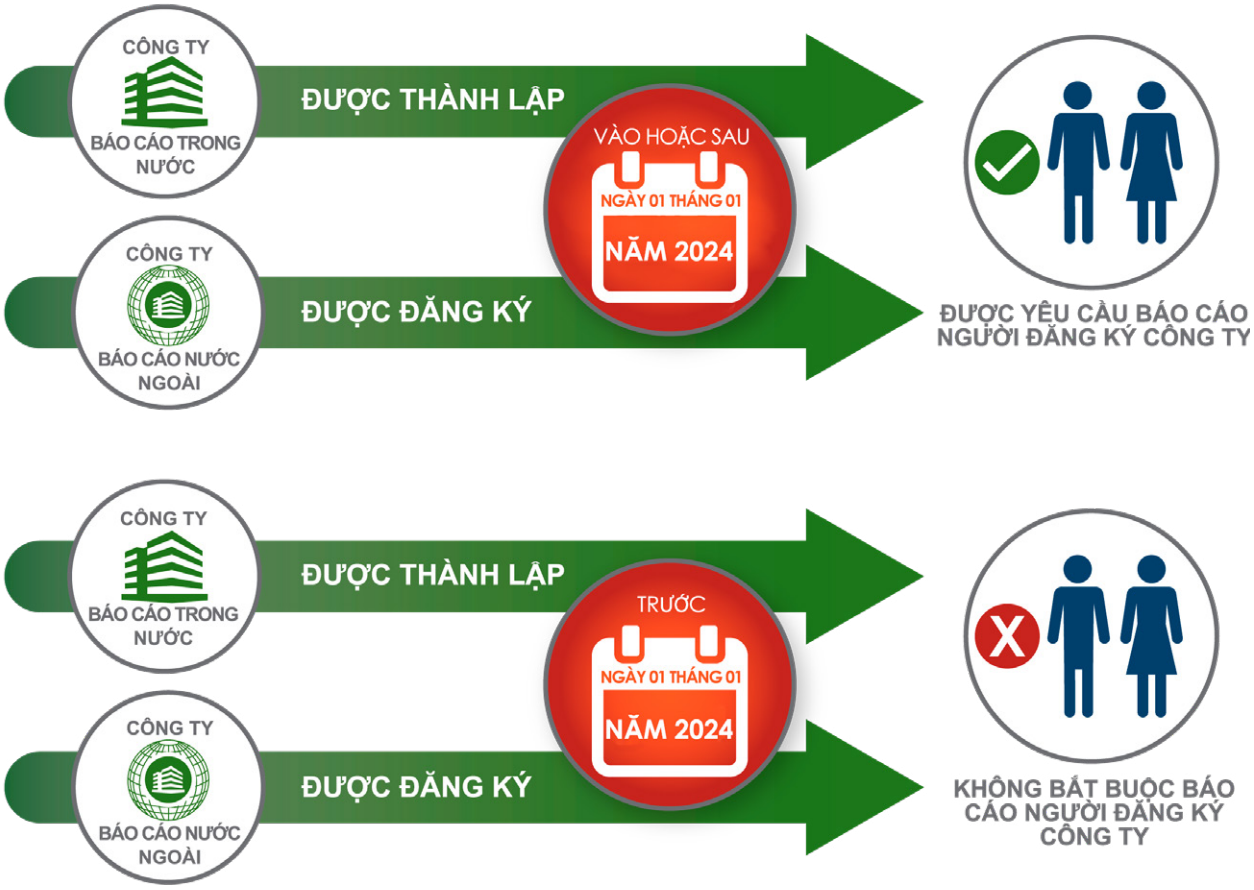

Quy tắc đặc biệt liên quan đến báo cáo người đăng ký công ty có thể được tìm thấy tại mục 1010.380(b)(2)(iv) và được thảo luận thêm trong chương tiếp theo (mục 4.2).

3.2 Ai là người đăng ký công ty của công ty tôi?

Mỗi công ty báo cáo được yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty sẽ phải xác định và báo cáo cho FinCEN ít nhất một người đăng ký công ty và nhiều nhất là hai. Tất cả người đăng ký công ty phải là cá nhân. Các công ty hoặc pháp nhân **không thể** là người đăng ký công ty.

Có hai loại người đăng ký công ty - "người nộp đơn trực tiếp" và cá nhân "chỉ đạo hoặc kiểm soát hành động nộp đơn".

- Loại đầu tiên (người nộp đơn trực tiếp) phải được xác định bởi tất cả các công ty báo cáo có yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty.
- Loại thứ hai (chỉ đạo hoặc kiểm soát hành động nộp đơn) có thể không áp dụng cho tất cả các công ty báo cáo có yêu cầu báo cáo người đăng ký công ty. Loại người đăng ký công ty thứ hai chỉ được yêu cầu báo cáo khi có nhiều hơn một cá nhân tham gia vào việc nộp tài liệu thành lập hoặc đăng ký công ty lần đầu.
- Nếu có nhiều hơn một cá nhân tham gia vào việc nộp đơn, thì hai người đăng ký công ty phải được báo cáo.
- Không có công ty báo cáo nào có nhiều hơn hai người đăng ký công ty.

Người đăng ký công ty Loại 1: Người nộp đơn trực tiếp

Đây là cá nhân trực tiếp nộp tài liệu thành lập công ty báo cáo trong nước, hoặc cá nhân trực tiếp nộp tài liệu đăng ký lần đầu công ty báo cáo nước ngoài. Cá nhân này sẽ thực sự nộp tài liệu vật lý hoặc điện tử cho bộ trưởng ngoại giao hoặc văn phòng tương tự.

Người đăng ký công ty Loại 2: Chỉ đạo hoặc kiểm soát hành động nộp đơn

Cá nhân khác có thể là người đăng ký công ty là cá nhân chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo hoặc kiểm soát việc nộp tài liệu thành lập hoặc đăng ký lần đầu. Cá nhân này là người đăng ký công ty mặc dù cá nhân này không thực sự nộp tài liệu cho bộ trưởng ngoại giao hoặc văn phòng tương tự.

Biểu đồ sau đây có thể hỗ trợ công ty của quý vị trong việc xác định người đăng ký công ty.

Biểu đồ 6 – Định nghĩa đăng ký công ty

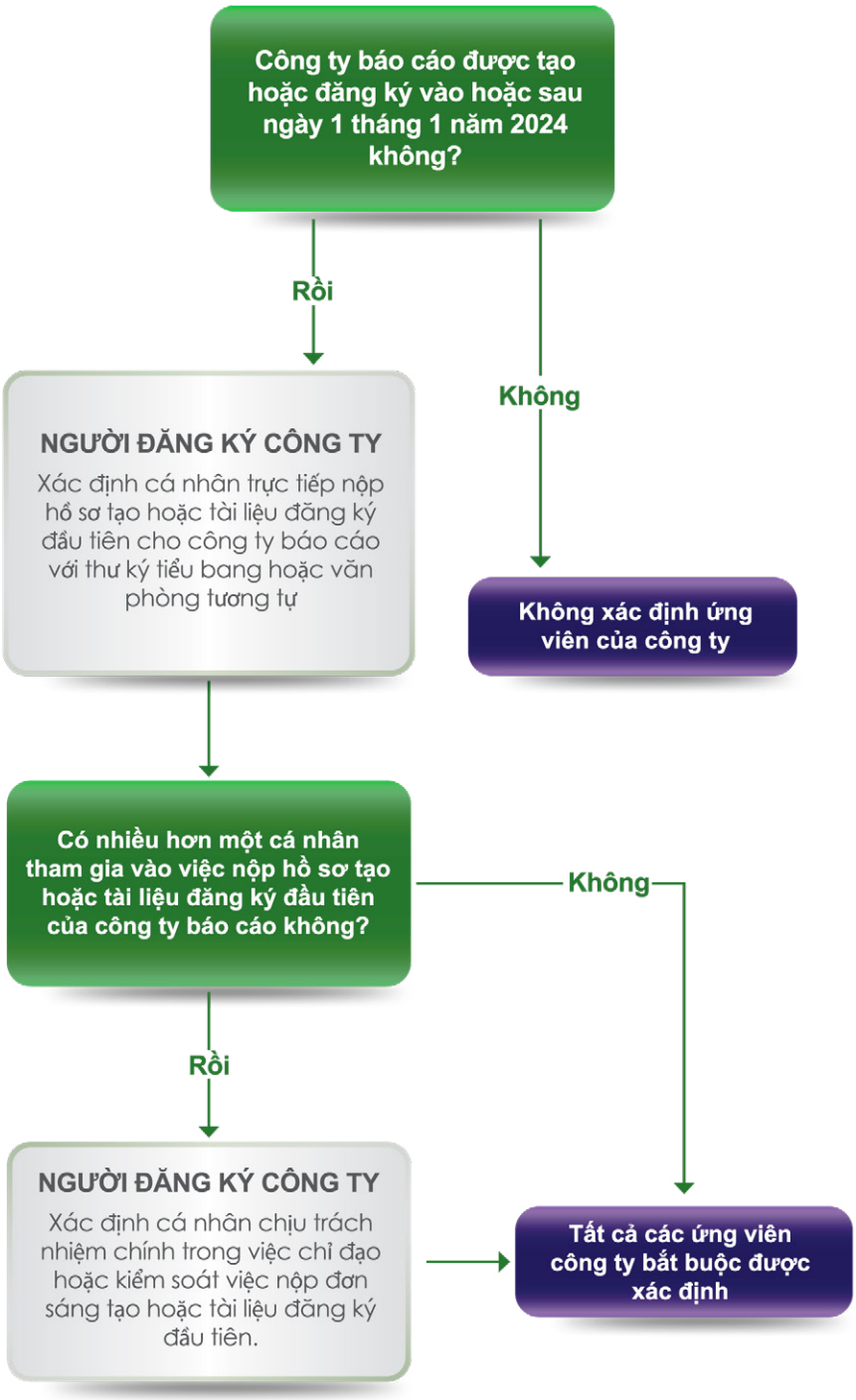

Các ví dụ sau đây minh họa cách xác định người đăng ký công ty trong các tình huống đăng ký hoặc thành lập công ty phổ biến.

Ví dụ 1: Cá nhân A đang thành lập một công ty mới. Cá nhân A chuẩn bị các tài liệu cần thiết để thành lập công ty và nộp chúng cho văn phòng tiểu bang hoặc bộ lạc có liên quan, trực tiếp hoặc sử dụng cổng thông tin trực tuyến tự phục vụ. Không có ai khác tham gia vào việc chuẩn bị, chỉ đạo hoặc nộp đơn.

Cá nhân A là người đăng ký công ty vì Cá nhân A trực tiếp nộp tài liệu thành lập công ty. Bởi vì Cá nhân A là người duy nhất tham gia vào việc nộp đơn, nên Cá nhân A là người đăng ký công ty duy nhất. Nhân viên tiểu bang hoặc bộ lạc nhận và xử lý các tài liệu thành lập hoặc hình thành công ty không được báo cáo là người đăng ký công ty.

Ví dụ 2: Cá nhân A đang thành lập một công ty. Cá nhân A chuẩn bị các tài liệu cần thiết để thành lập công ty và chỉ đạo Cá nhân B nộp các tài liệu cho văn phòng tiểu bang hoặc bộ lạc có liên quan. Cá nhân B sau đó trực tiếp nộp các tài liệu thành lập công ty.

Cá Nhân A và B đều là người đăng ký công ty – Cá nhân B trực tiếp nộp các tài liệu và Cá nhân A chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo hoặc kiểm soát việc nộp đơn. Ví dụ, Cá nhân B có thể là vợ/chồng, đối tác kinh doanh, luật sư hoặc kế toán của Cá nhân A; trong mọi trường hợp, Cá Nhân A và B đều là người đăng ký công ty trong trường hợp này.

04 Công ty tôi cần báo cáo những thông tin cụ thể nào?

Chương này bao gồm những thông tin cần được đưa vào báo cáo BOI cho FinCEN. Báo cáo BOI yêu cầu các mẩu thông tin cụ thể về công ty của quý vị, chủ sở hữu thụ hưởng của công ty và, trong các trường hợp được mô tả trong mục 3.1, cần thông tin của người đăng ký công ty. Ngoài ra, chương này bao gồm những thông tin cần được cung cấp để có được số nhận dạng FinCEN. Pháp nhân gửi thông tin cho FinCEN phải xác nhận rằng thông tin đó là đúng, chính xác và đầy đủ. Chương này bao gồm các mục sau:

4.1 Tôi nên thu thập thông tin gì về công ty của mình, chủ sở hữu thụ hưởng và người đăng ký công ty?
4.2 Tôi phải báo cáo gì nếu quy tắc báo cáo đặc biệt áp dụng cho công ty của tôi?
4.3 Số nhận dạng FinCEN là gì và tôi có thể sử dụng nó như thế nào?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380 (b), "Nội dung, hình thức và cách thức báo cáo".

4.1 Tôi nên thu thập thông tin gì về công ty của mình, chủ sở hữu thụ hưởng và người đăng ký công ty?

Các danh sách kiểm tra sau đây có thể giúp quý vị xác định thông tin về công ty của quý vị, các chủ sở hữu thụ hưởng và những người đăng ký công ty mà quý vị được yêu cầu thu thập và báo cáo.

Biểu đồ 7 – Danh sách kiểm tra thông tin bắt buộc

Công ty báo cáo

- ☐ Tên pháp lý đầy đủ
- ☐ Bất kỳ tên thương mại hoặc tên giao dịch nào
  - » *Báo cáo tất cả tên thương mại hoặc tên giao dịch.*
- ☐ Bổ sung địa chỉ hiện tại ở Hoa Kỳ
  - » *Báo cáo địa chỉ của địa điểm kinh doanh chính tại Hoa Kỳ, hoặc, nếu địa điểm kinh doanh chính của công ty báo cáo không phải ở Hoa Kỳ, thì báo cáo địa điểm chính tại Hoa Kỳ nơi công ty tiến hành hoạt động kinh doanh.*
- ☐ Khu vực thẩm quyền pháp lý của tiểu bang, bộ lạc hoặc nước ngoài
- ☐ **Chỉ dành cho công ty báo cáo nước ngoài**, khu vực thẩm quyền pháp lý đăng ký lần đầu của tiểu bang hoặc bộ lạc
- ☐ Mã Số Thuế (TIN) của Sở Thuế Vụ (IRS) (TIN) (bao gồm cả Số Nhận Dạng Chủ Lao Động (EIN))
  - » **Nếu một công ty báo cáo nước ngoài chưa được cấp TIN**, thì hãy báo cáo mã số thuế do khu vực thẩm quyền pháp lý nước ngoài cấp và tên của khu vực thẩm quyền pháp lý đó.

Từng Chủ Sở Hữu Thụ Hưởng Và Người Đăng Ký Công Ty

Không phải tất cả các công ty báo cáo đều được yêu cầu báo cáo thông tin về người đăng ký công ty. Xem Chương 3 để được hỗ trợ trong việc xác định xem công ty của quý vị có bắt buộc phải báo cáo thông tin người đăng ký công ty hay không.

- ☐ Tên pháp lý đầy đủ
- ☐ Ngày sinh
- ☐ Địa chỉ hiện tại đầy đủ
  - » *Báo cáo địa chỉ đường phố cư trú của cá nhân, ngoại trừ những người đăng ký công ty thành lập hoặc đăng ký một công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của họ, chẳng hạn như trợ lý luật sư. Đối với những cá nhân như vậy, hãy báo cáo địa chỉ đường phố kinh doanh. Địa chỉ này không bắt buộc phải ở Hoa Kỳ.*
- ☐ Số nhận dạngduy nhất và khu vực thẩm quyền pháp lýcấp, và hình ảnh của **một** trong các giấy tờ chưa hết hạn sau đây:
  - ☐ Hộ chiếu Hoa Kỳ
  - ☐ Giấy phép lái xe của tiểu bang
  - ☐ Giấy tờ tùy thân do tiểu bang, chính quyền địa phương hoặc bộ lạc cấp
  - ☐ **Nếu một cá nhân không có bất kỳ giấy tờ nào trên đây,** thì dùng hộ chiếu nước ngoài

Nếu một cá nhân đã có số nhận dạng FinCEN và cung cấp nó cho một công ty báo cáo, thì công ty báo cáo có thể bao gồm số nhận dạng FinCEN đó trong báo cáo của mình thay vì thông tin được yêu cầu về cá nhân đó.

4.2 Tôi phải báo cáo gì nếu quy tắc báo cáo đặc biệt áp dụng cho công ty của tôi?

Quy Tắc Báo Cáo bao gồm bốn quy tắc báo cáo đặc biệt có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ báo cáo của công ty quý vị.

1. *Thuộc sở hữu của thực thể được miễn trừ:* Quý vị không cần phải báo cáo thông tin về bất kỳ chủ sở hữu thụ hưởng nào có lợi ích sở hữu trong một công ty báo cáo được nắm giữ thông qua một hoặc nhiều thực thể mà tất cả các thực thể đó đều được miễn trừ khỏi định nghĩa công ty báo cáo. Tham khảo Chương 1.2 để biết các loại thực thể được miễn trừ khỏi định nghĩa công ty báo cáo.
   - Nếu quy tắc đặc biệt này được áp dụng, thì quý vị có thể báo cáo tên của tất cả các thực thể miễn trừ thay vì thông tin về cá nhân là chủ sở hữu thụ hưởng của công ty quý vị thông qua lợi ích sở hữu trong các thực thể được miễn trừ đó.

     Ví dụ: Một công ty kinh doanh lớn sở hữu 50% lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị. Các công ty kinh doanh lớn được miễn trừ khỏi định nghĩa công ty báo cáo (xem Miễn trừ #21). Cá nhân A sở hữu 50% công ty kinh doanh lớn, và do đó sở hữu 25% lợi ích sở hữu trong công ty của quý vị (50% × 50% = 25%). Quý vị có thể báo cáo tên của công ty kinh doanh lớn thay vì thông tin cá nhân của Cá nhân A.
2. *Trẻ vị thành niên:* Quý vị không cần phải báo cáo thông tin về chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo trong trường hợp đó là trẻ vị thành niên, miễn là quý vị đã báo cáo thông tin được yêu cầu về cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ vị thành niên này.
   - Nếu quy tắc đặc biệt này được áp dụng, thì quý vị có thể báo cáo thông tin được yêu cầu về cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ thay vì trẻ đó.

     Lưu ý: Nếu quý vị báo cáo thông tin của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp thay vì thông tin của trẻ vị thành niên, thì quý vị phải cho biết trong báo cáo BOI của mình rằng thông tin này liên quan đến cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ vị thành niên đó.
3. *Phương tiện đầu tư gộp nước ngoài:* Quý vị không cần phải báo cáo thông tin về từng chủ sở hữu thụ hưởng và người đăng ký công ty nếu công ty của quý vị được thành lập theo luật pháp của nước ngoài và sẽ là một công ty báo cáo nếu không được miễn trừ phương tiện đầu tư gộp (Miễn trừ #18).
   - Nếu quy tắc đặc biệt này được áp dụng, thì quý vị phải báo cáo một cá nhân thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty. Quý vị không cần phải báo cáo bất kỳ người đăng ký công ty nào. Nếu có nhiều hơn một cá nhân thực hiện quyền kiểm soát đáng kể đối với công ty, thì quý vị phải báo cáo thông tin về cá nhân có thẩm quyền lớn nhất trong quản lý chiến lược của công ty.
4. *Báo cáo người đăng ký công ty đối với các công ty hiện đang hoạt động:* Nếu công ty báo

cáo được thành lập hoặc đăng ký trước ngày 1 tháng 1 năm 2024, thì quý vị không cần phải báo cáo bất kỳ thông tin của người đăng ký công ty nào đối với công ty báo cáo.

- Nếu quy tắc đặc biệt này được áp dụng, thì không báo cáo người đăng ký công ty. Ghi rõ trên báo cáo BOI rằng công ty được thành lập hoặc đăng ký trước ngày 1 tháng 1 năm 2024.

4.3 Số nhận dạng FinCEN là gì và tôi có thể sử dụng nó như thế nào?

"Số nhận dạng FinCEN" là một số nhận dạng duy nhất mà FinCEN sẽ cấp cho một cá nhân hoặc công ty báo cáo theo yêu cầu sau khi cá nhân hoặc công ty báo cáo đó cung cấp một số thông tin nhất định cho FinCEN.

- Một cá nhân hoặc công ty báo cáo không bắt buộc phải có số nhận dạng FinCEN.
- Một cá nhân hoặc công ty báo cáo chỉ có thể nhận được một số nhận dạng FinCEN.
- Công ty của quý vị có thể bao gồm số nhận dạng FinCEN trong báo cáo BOI thay vì một số thông tin bắt buộc nhất định về chủ sở hữu thụ hưởng hoặc người đăng ký công ty.

Số Nhận Dạng FinCEN Cho Cá Nhân

Cá nhân có thể đăng ký số nhận dạng FinCEN qua phương thức điện tử. Trong đơn đăng ký, cá nhân phải cung cấp tên, ngày sinh, địa chỉ, số nhận dạng duy nhất và khu vực thẩm quyền pháp lý cấp từ một giấy tờ định danh được chấp nhận và hình ảnh của giấy tờ định danh – bốn phần thông tin cá nhân và hình ảnh tương tự mà các công ty báo cáo gửi về chủ sở hữu thụ hưởng và người đăng ký công ty trong báo cáo BOI (mục 4.1). Sau khi một cá nhân nộp đơn, thì cá nhân đó sẽ ngay lập tức nhận được số nhận dạng FinCEN duy nhất cho cá nhân đó.

Khi chủ sở hữu thụ hưởng hoặc người đăng ký công ty đã có số nhận dạng FinCEN, thì các công ty báo cáo có thể báo cáo số này thay cho bốn thông tin cá nhân được yêu cầu khác về cá nhân đó trong báo cáo BOI.

Số Nhận Dạng FINCEN Cho Các Công Ty Báo Cáo

Công ty của quý vị có thể yêu cầu số nhận dạng FinCEN khi gửi báo cáo BOI bằng cách đánh dấu vào ô trên mẫu báo cáo.

Cập nhật hoặc Chỉnh sửa

Khi thông tin mà một cá nhân hoặc công ty báo cáo báo cáo cho FinCEN để lấy số nhận dạng FinCEN thay đổi hoặc khi cá nhân hoặc công ty báo cáo phát hiện ra rằng thông tin được báo cáo là không chính xác, thì cá nhân hoặc công ty báo cáo phải cập nhật hoặc chỉnh sửa thông tin được báo cáo, nếu có thể. Xem Chương 6 để biết thêm thông tin về các yêu cầu cập nhật và chỉnh sửa, bao gồm các mốc thời gian.

05 Khi nào công ty của tôi nên nộp báo cáo BOI ban đầu và bằng cách nào?

Quy Tắc Báo Cáo có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024. FinCEN sẽ bắt đầu nhận các báo cáo BOI bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống nộp đơn an toàn vào ngày này. Báo cáo BOI sẽ không được nhận trước ngày 1 tháng 1 năm 2024. Chương này giải thích khi nào công ty của quý vị nên nộp báo cáo BOI ban đầu và cách thực hiện trong hai mục sau:

5.1 Khi nào công ty tôi nên nộp báo cáo BOI ban đầu?
5.2 Công ty của tôi nộp báo cáo BOI bằng cách nào?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380(a)(1), (Thời gian) "báo cáo ban đầu".

5.1 Khi nào công ty tôi nên nộp báo cáo BOI ban đầu?

Nếu công ty của quý vị đã tồn tại tính đến ngày 1 tháng 1 năm 2024, thì công ty phải nộp báo cáo BOI ban đầu trước ngày 1 tháng 1 năm 2025. Nếu công ty của quý vị được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ sau ngày 1 tháng 1 năm 2024, thì công ty phải nộp báo cáo BOI ban đầu trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo thực tế hoặc công khai rằng việc thành lập hoặc đăng ký có hiệu lực. Ví dụ: công ty của quý vị có thể nhận được thông báo **thực tế** rằng việc thành lập hoặc đăng ký có hiệu lực thông qua liên lạc trực tiếp từ bộ trưởng ngoại giao hoặc văn phòng tương tự. Công ty của quý vị cũng có thể nhận được thông báo **công khai** rằng việc thành lập hoặc đăng ký có hiệu lực vì nó xuất hiện trên sổ đăng ký có thể truy cập công khai do bộ trưởng ngoại giao hoặc văn phòng tương tự duy trì. Thực tiễn thông báo sẽ khác nhau tùy theo khu vực thẩm quyền pháp lý. Nếu một khu vực thẩm quyền pháp lý cung cấp cả thông báo thực tế và công khai, thì mốc thời gian đến hạn của báo cáo BOI ban đầu sẽ bắt đầu vào thời điểm sớm hơn trong hai thời điểm nhận được thông báo.

Yêu cầu báo cáo có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. FinCEN sẽ bắt đầu nhận báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng vào ngày nà.

Báo cáo ban đầu

Yêu cầu bởi tất cả các công ty đáp ứng định nghĩa của công ty báo cáo và không được miễn định nghĩa đó.

Các công ty báo cáo hiện có

*Được tạo hoặc đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ trước ngày 1 tháng 1 năm 2024. Các báo cáo đến hạn vào ngày **1 tháng 1 năm 2025**.*

Các công ty báo cáo mới

Được tạo hoặc đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2024.

*Các báo cáo đến hạn trong vòng **30 ngày theo lịch kể** từ khi nhận được thông báo thực tế hoặc công khai rằng việc tạo hoặc đăng ký công ty báo cáo có hiệu lực.*

Các công ty báo cáo trước đây được miễn trừ: Nếu công ty của quý vị trước đây đủ điều kiện để được miễn trừ định nghĩa công ty báo cáo nhưng không còn đủ điều kiện nữa, thì quý vị phải nộp báo cáo BOI **trong vòng 30 ngày theo lịch** kể từ ngày công ty của quý vị không còn đủ điều kiện để được miễn trừ.

Tham khảo mục 1.2 của Hướng Dẫn này để biết thêm thông tin về các trường hợp miễn trừ đối với các yêu cầu báo cáo.

5.2 Công ty của tôi nộp báo cáo BOI bằng cách nào?

Nếu công ty của quý vị được yêu cầu nộp báo cáo BOI, thì quý vị phải nộp báo cáo này bằng phương thức điện tử thông qua một hệ thống nộp đơn an toàn.

- Hệ thống nộp đơn của FinCEN hiện đang được xây dựng và sẽ không khả dụng cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2024.
- FinCEN sẽ không nhận báo cáo BOI trước ngày 1 tháng 1 năm 2024.
- FinCEN sẽ xuất bản các hướng dẫn và hướng dẫn kỹ thuật khác về cách hoàn thành mẫu báo cáo BOI. Hướng Dẫn này sẽ có tại: www.fincen.gov/boi.

Lưu ý: Có thể có một số trường hợp nhất định trong đó công ty báo cáo không thể nộp báo cáo BOI bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống nộp đơn an toàn của FinCEN. Trong những trường hợp đó, công ty báo cáo nên liên lạc với FinCEN: www.fincen.gov/contact.

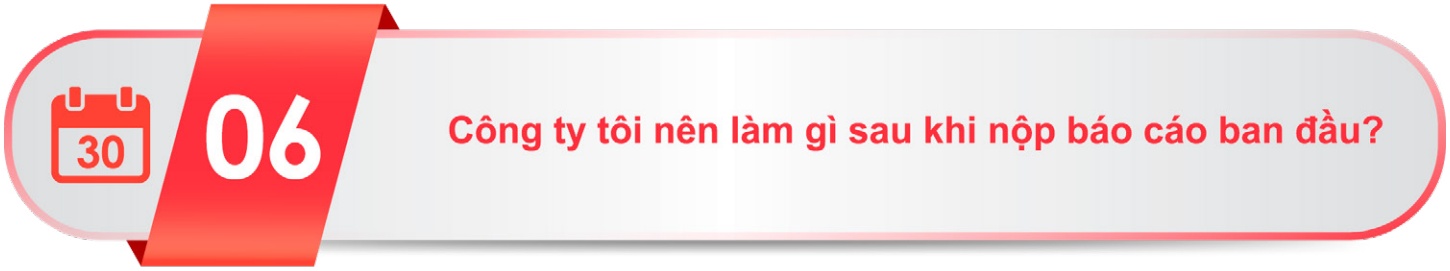

Ngoài việc nộp báo cáo BOI ban đầu, các công ty báo cáo cũng phải cập nhật và chỉnh sửa thông tin trong các báo cáo BOI đã nộp trước đó. Cá nhân có số nhận dạng FinCEN cũng phải cập nhật và chỉnh sửa thông tin đã báo cáo trước đó cho FinCEN. Chương này thảo luận về những việc cần làm khi có thay đổi hoặc không chính xác trong thông tin được báo cáo trong các mục sau:

6.1 Tôi nên làm gì nếu thông tin được báo cáo trước đó thay đổi?
6.2 Tôi nên làm gì nếu biết báo cáo có điểm không chính xác?
6.3 Công ty của tôi nên làm gì nếu được miễn trừ sau khi đã nộp báo cáo?

Chương này thường bao gồm mục 1010.380(b)(3), "Nội dung của các báo cáo được cập nhật hoặc chỉnh sửa".

6.1 Tôi nên làm gì nếu thông tin được báo cáo trước đó thay đổi?

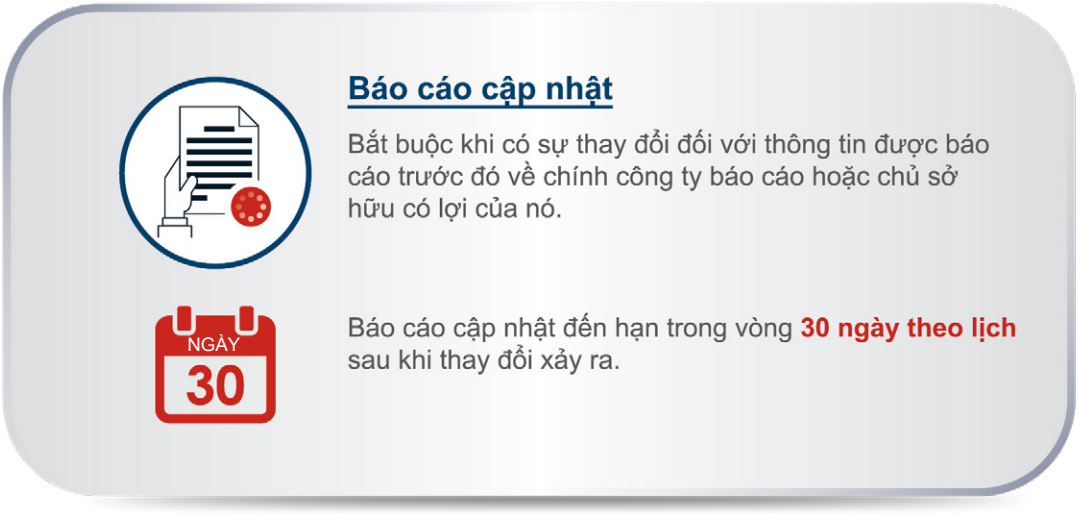

Nếu có ***bất kỳ thay đổi*** nào đối với thông tin được yêu cầu về công ty của quý vị hoặc chủ sở hữu thụ hưởng của công ty trong báo cáo BOI mà công ty quý vị đã nộp, thì công ty của quý vị phải nộp báo cáo BOI cập nhật không muộn hơn 30 ngày sau ngày xảy ra thay đổi. Mốc thời gian 30 ngày tương tự áp dụng cho những thay đổi trong thông tin được một cá nhân gửi để lấy số nhận dạng FinCEN. Một công ty báo cáo không bắt buộc phải nộp báo cáo cập nhật cho bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin cá nhân được báo cáo trước đó về người đăng ký công ty.

Sau đây là một số ví dụ về các thay đổi sẽ yêu cầu nộp báo cáo BOI cập nhật:

- Bất kỳ thay đổi thông tin nào được báo cáo đối với công ty báo cáo, chẳng hạn như đăng ký tên giao dịch mới.
- Thay đổi chủ sở hữu thụ hưởng, chẳng hạn như Giám đốc điều hành mới, giao dịch bán thay đổi người đáp ứng ngưỡng lợi ích sở hữu là 25% hoặc chủ sở hữu thụ hưởng qua đời.

  Lưu ý: Khi chủ sở hữu thụ hưởng qua đời, dẫn đến thay đổi chủ sở hữu thụ hưởng của công ty báo cáo, thì báo cáo những thay đổi đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày tài sản của chủ sở hữu thụ hưởng đã qua đời được xử lý. Báo cáo cập nhật nên, trong phạm vi thích hợp, xác định bất kỳ chủ sở hữu thụ hưởng mới nào.
- Bất kỳ thay đổi nào đối với tên, địa chỉ hoặc số nhận dạng duy nhất của chủ sở hữu thụ hưởng được cung cấp trong báo cáo BOI.

  Lưu ý: Nếu chủ sở hữu thụ hưởng có bằng lái xe mới hoặc giấy tờ định danh khác có tên, địa chỉ hoặc số định danh đã thay đổi, thì công ty báo cáo cũng sẽ phải nộp báo cáo thông tin quyền sở hữu thụ hưởng cập nhật cho FinCEN, bao gồm hình ảnh của giấy tờ định danh mới.

Quy tắc đặc biệt: Lưu ý yêu cầu cập nhật liên quan đến quy tắc báo cáo đặc biệt dành cho trẻ vị thành niên. Khi chủ sở hữu thụ hưởng là trẻ vị thành niên đến tuổi trưởng thành, thì quý vị phải nộp báo cáo BOI cập nhật, trong đó xác định cá nhân đó là chủ sở hữu thụ hưởng và, nếu cần thiết, thay thế thông tin của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp bằng thông tin của chính họ.

Giống như các báo cáo BOI ban đầu, các báo cáo BOI cập nhật phải được nộp bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống nộp đơn an toàn.

Lưu ý: Không có yêu cầu báo cáo việc dừng hoặc giải thể công ty.

6.2 Tôi nên làm gì nếu biết báo cáo có điểm không chính xác?

Nếu có điểm không chính xác được xác định trong báo cáo BOI mà công ty của quý vị đã nộp, thì công ty của quý vị phải sửa nó không muộn hơn 30 ngày sau ngày công ty của quý vị nhận thức được sự không chính xác hoặc có lý do để biết về điều đó. Điều này bao gồm bất kỳ điểm không chính xác nào trong thông tin được yêu cầu được cung cấp về công ty của quý vị, chủ sở hữu thụ hưởng hoặc người đăng ký công ty. Mốc thời gian 30 ngày tương tự áp dụng cho những điểm không chính xác trong thông tin do một cá nhân gửi để lấy số nhận dạng FinCEN.

Lưu ý: Không có hình phạt nào cho việc nộp báo cáo BOI không chính xác miễn là nó được chỉnh sửa trong vòng 90 ngày theo lịch kể từ khi được nộp.

Các báo cáo BOI đã chỉnh sửa phải được nộp bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống nộp đơn an toàn.

6.3 Công ty của tôi nên làm gì nếu được miễn trừ sau khi đã nộp báo cáo?

Nếu công ty của quý vị đã nộp báo cáo BOI và sau đó đủ điều kiện để được miễn các yêu cầu báo cáo, thì công ty của quý vị phải nộp báo cáo BOI cập nhật để cho biết rằng công ty mới được miễn các yêu cầu báo cáo. Tham khảo mục 1.2 của Hướng Dẫn này để biết thông tin về các trường hợp miễn trừ.

Các báo cáo BOI cập nhật phải được nộp bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống nộp đơn an toàn. Báo cáo BOI cập nhật cho một thực thể mới được miễn trừ sẽ chỉ yêu cầu: (1) thực thể tự định danh; và (2) đánh dấu vào ô ghi chú trạng thái mới được miễn trừ.

Phụ Lục A - Trang Tham Chiếu Hướng Dẫn Và Quy Định

Bản chỉ mục này cho thấy các phần khác nhau của Quy Tắc Báo Cáo (1010.380) được đề cập ở đâu trong Hướng Dẫn này. Phía bên trái của bản chỉ mục hiển thị từng đoạn khác nhau của Quy Tắc Báo Cáo và tiêu đề. Phía bên phải của bản chỉ mục cho biết phần nào của Hướng Dẫn này bao gồm đoạn đó trong Quy Tắc Báo Cáo. Quý vị có thể nhấp vào các siêu liên kết ở bên phải để chuyển đến phần đó của Hướng Dẫn này. Một số đoạn Quy Tắc Báo Cáo được đề cập ở nhiều nơi trong Hướng Dẫn này. Những lần đề cập đến các đoạn này được bao gồm trong bản chỉ mục trong ngoặc đơn bên phải.

(a) Các báo cáo được yêu cầu; thời gian báo cáo ..... Chương 5 và Chương 6

(1) Báo cáo ban đầu 5.1

(2) Báo cáo cập nhật 6.1

(3) Báo cáo chỉnh sửa 6.2

(b) Nội dung, hình thức và cách thức báo cáo ..... Chương 4 và Chương 6

(1) Báo cáo ban đầu 4.1

(2) Quy tắc đặc biệt

(i) Công ty báo cáo thuộc sở hữu của thực thể miễn trừ 4.2

(ii) Trẻ vị thành niên ..... 4.2 (đề cập trong 2.4 và 6.1)

(iii) Phương tiện đầu tư gộp nước ngoài ..... 4.2 (đề cập trong 1.2 Miễn trừ #18)

(iv) Người đăng ký công ty cho các công ty đang hoạt động ..... 4.2 (đề cập trong 3.1)

(3) Nội dung báo cáo cập nhật hoặc chỉnh sửa

(i) Báo cáo cập nhật—nói chung 6.1

(ii) Báo cáo cập nhật—các thực thể mới được miễn trừ 6.3

(iii) Báo cáo chỉnh sửa 6.2

(4) Số nhận dạng FinCEN

(i) Đơn xin 4.3

(ii) Sử dụng số nhận dạng FinCEN 4.3

(iii) Cập nhật và chỉnh sửa ..... 4.3 (đề cập trong 6.1 và 6.2)

(c) Công ty báo cáo ..... Chương 1

(1) Định nghĩa công ty báo cáo 1.1

(2) Miễn trừ 1.2

(i) Tổ chức phát hành báo cáo chứng khoán ..... 1.2 Miễn trừ #1

(ii) Cơ quan chính phủ ..... 1.2 Miễn trừ #2

(iii) Ngân hàng ..... 1.2 Miễn trừ #3

(iv) Liên minh tín dụng ..... 1.2 Miễn trừ #4

(v) Công ty cổ phần tổ chức lưu ký ..... 1.2 Miễn trừ #5
(vi) Kinh doanh dịch vụ tiền tệ ..... 1.2 Miễn trừ #6
(vii) Nhà môi giới hoặc đại lý chứng khoán ..... 1.2 Miễn trừ #7
(viii) Cơ quan giao dịch hoặc bù trừ chứng khoán ..... 1.2 Miễn trừ #8
(ix) Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Giao dịch khác ..... 1.2 Miễn trừ #9
(x) Công ty đầu tư hoặc cố vấn đầu tư ..... 1.2 Miễn trừ #10
(xi) Cố vấn quỹ đầu tư mạo hiểm ..... 1.2 Miễn trừ #11
(xii) Công ty bảo hiểm ..... 1.2 Miễn trừ #12
(xiii) Đại lý bảo hiểm được nhà nước cấp phép ..... 1.2 Miễn trừ #13
(xiv) Thực thể đã đăng ký theo Đạo luật Trao đổi Hàng hóa ..... 1.2 Miễn trừ #14
(xv) Công ty kế toán ..... 1.2 Miễn trừ #15
(xvi) Tiện ích công cộng ..... 1.2 Miễn trừ #16
(xvii) Tiện ích thị trường tài chính ..... 1.2 Miễn trừ #17
(xviii) Phương tiện đầu tư gộp ..... 1.2 Miễn trừ #18
(xix) Thực thể được miễn thuế ..... 1.2 Miễn trừ #19
(xx) Thực thể hỗ trợ thực thể được miễn thuế ..... 1.2 Miễn thuế #20
(xxi) Công ty kinh doanh lớn ..... 1.2 Miễn trừ #21
(xxii) Công ty con của một số thực thể được miễn trừ ..... 1.2 Miễn trừ #22
(xxiii) Thực thể không hoạt động ..... 1.2 Miễn trừ #23

(d) Chủ sở hữu thụ hưởng ..... Chương 2

(1) Kiểm soát đáng kể

(i) Định nghĩa kiểm soát đáng kể ..... 2.1 (đề cập trong 2.3 Bước 1)

(ii) Thực hiện kiểm soát đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp ..... 2.3 Bước 1

(2) Lợi ích sở hữu

(i) Định nghĩa lợi ích sở hữu ..... 2.2 (đề cập trong 2.3 Bước 2)

(ii) Quyền sở hữu hoặc kiểm soát lợi ích sở hữu ..... 2.3 Bước 2

(iii) Tính tổng lợi ích sở hữu của một công ty báo cáo ..... 2.3 Bước 3

(3) Ngoại lệ 2.4

(e) Người đăng ký công ty 3.2

(f) Định nghĩa

(1) Nhân viên 2.4

(2) Số nhận dạng FinCEN 4.3
(3) Pháp nhân nước ngoài..... 1.2 Miễn trừ #23
(4) Bộ lạc da đỏ ..... 1.1 (đề cập trong 1.2 Miễn trừ #2; 2.4; và 4.1)
(5) Được thừa nhận hợp pháp để thường trú ..... .1.2 Miễn trừ #20
(6) Sự hiện diện hoạt động tại một văn phòng thực tế ở Hoa Kỳ .....1.2 Miễn trừ #13 và Miễn trừ #21
(7) Phương tiện đầu tư gộp ..... 1.2 Miễn trừ #18 (đề cập trong 4.2)
(8) Cán bộ cấp cao .....2.1 (đề cập trong 1.3 và 2.3)
(9) Tiểu bang.....1.1 (đề cập trong 1.2 Miễn trừ #2; 1.2 Miễn trừ #13; 2.4; và 4.1)
(10) Pháp nhân Hoa Kỳ .....Đề cập trong 1.2 Miễn trừ #20 và Miễn trừ #23

(g) Vi phạm về báo cáo 1.3